

DANH SÁCH HỌC BỔNG
Học Kỳ 2 - Năm Học 2025 - 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1 .Lớp: DA2266T1								
1	B2202318	Võ Thị Vân Anh	13	97	3.96	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.700.000 đồng								
2 .Lớp: DA2266T2								
1	B2202354	Phạm Thị Diễm Quỳnh	14	97	3.93	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2202365	Nguyễn Trọng Tính	14	95	3.89	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng								
3 .Lớp: DA2308A1								
1	B2300060	Phan Thành Hà	14	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2300071	Lê Võ Đình Khuê	14	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2300119	Nguyễn Lê Quốc Vinh	14	93	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2300121	Lê Tường Vy	15	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 40.414.400 đồng								
4 .Lớp: DA2308A2								
1	B2300127	Bùi Đăng Văn Anh	12	93	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2300136	Đoàn Tân Giao	14	93	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2300194	Lê Thị Thu Vân	15	100	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2300197	Khấu Mai Quỳnh Vy	14	95	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.811.200 đồng								
5 .Lớp: DA2308F1								
1	B2300246	Nguyễn Ngọc Phương M	13	100	3.85	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2300254	Quách Hồng Ngọc	15	100	3.93	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.684.000 đồng								
6 .Lớp: DA2308F2								
1	B2300215	Châu Minh Duy	12	95	3.82	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2300285	Lê Hải Yến	12	90	3.68	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.188.000 đồng								
7 .Lớp: DA2366A1								
1	B2302444	Đỗ Khánh Duy	15	100	3.93	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2302491	Phan Huỳnh Trâm	15	95	3.93	Xuất sắc	9.520.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2302495	Nguyễn Thanh Tú	16	99	3.94	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							28.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.288.000 đồng								
8 .Lớp: DA2366A2								
1	B2302507	Nguyễn Kỳ Duyên	13	95	4	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2302522	Nguyễn Ngọc Khuê	12	91	4	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2302553	Nguyễn Thị Huyền Trân	14	90	3.93	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							28.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.832.000 đồng								
9 .Lớp: DA2366T1								
1	B2302592	Phan Thanh Kim Ngân	12	98	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2302618	Bùi Phước Ngọc Triều	13	100	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.440.000 đồng								
10 .Lớp: DA2366T2								
1	B2302562	Phạm Võ Gia Bằng	13	100	3.88	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2302582	Huỳnh Thiên Lạc	13	100	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng								
11 .Lớp: DA23U5A1								
1	B2305818	Trần Văn Nhật Hào	15	91	3.5	Giỏi	9.050.000	
2	B2305834	Lê Thị Yến Phương	15	93	3.57	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.905.600 đồng								
12 .Lớp: DA2408A1								
1	B2400120	Nguyễn Thành Nhân	14	93	3.89	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2400128	Trần Ngọc Như	14	100	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2400148	Lê Trường Thịnh	14	95	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.382.400 đồng								
13 .Lớp: DA2408A2								
1	B2400096	Nguyễn Tô Thanh Lâm	14	90	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2400116	Lê Thị Hồng Ngọc	14	90	3.65	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2400154	Phạm Anh Thư	15	90	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.588.800 đồng								
14 .Lớp: DA2408A3								
1	B2400193	Nguyễn Bảo Châu	12	90	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2400211	Trương Thị Ngọc Hân	14	100	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2400276	Nguyễn Quốc Thái	13	92	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.588.800 đồng								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
15 .Lớp: DA2408A4								
1	B2400267	Nguyễn Thanh Quang	15	90	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2400292	Trần Thị Cẩm Tiên	13	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2400307	Lê Hoàng Tỷ	13	100	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng								
16 .Lớp: DA2408A5								
1	B2400332	Trần Thị Mỹ Duyên	14	93	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2400363	Nguyễn Kha Lil	13	93	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2400401	Phan Ngọc Quý	12	100	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.985.600 đồng								
17 .Lớp: DA2408A6								
1	B2400323	Huỳnh Ngọc Bích	15	100	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2400340	Lê Trí Hải	13	95	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2400431	Lý Ngọc Trâm	14	90	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.382.400 đồng								
18 .Lớp: DA2408F1								
1	B2400464	Trần Minh Huy	13	100	3.79	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng								
19 .Lớp: DA2408F2								
1	B2400513	Trần Duy Định	12	93	3.54	Giỏi	11.220.000	
2	B2400522	Phạm Chí Kiệt	15	93	3.68	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							24.310.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng								
20 .Lớp: DA2408F3								
1	B2400530	Phạm Hoàng Gia Nghi	12	100	3.83	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2400535	Phạm Huỳnh Nhi	13	95	3.92	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng								
21 .Lớp: DA2466A1								
1	B2403157	Bùi Lê Kim Anh	12	100	3.95	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2403169	Nguyễn Thành Đạt	12	93	3.92	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2403181	Phạm Anh Khoa	12	95	3.96	Xuất sắc	9.520.000	
4	B2403185	Nguyễn Hoài Luân	14	93	3.93	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							38.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.080.000 đồng								
22 .Lớp: DA2466A2								
1	B2403239	Nguyễn Kim Châu	15	95	3.86	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2403242	Lê Thị Mỹ Duyên	13	100	4	Xuất sắc	9.520.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2403289	Nguyễn Thị Hồng Thy	14	90	3.75	Xuất sắc	9.520.000	
4	B2403299	Nguyễn Trọng Tường	13	94	3.75	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							38.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.816.000 đồng								
23 .Lớp: DA2466A3								
1	B2403333	Nguyễn Hồ Phủ Kính	13	98	3.73	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2403344	Trần Thiện Nhân	15	93	3.89	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2403346	Lê Thị Quỳnh Như	13	93	3.92	Xuất sắc	9.520.000	
4	B2403366	Huỳnh Huyền Trang	13	95	3.83	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							38.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.272.000 đồng								
24 .Lớp: DA2466A4								
1	B2403385	Nguyễn Võ Văn Anh	14	99	3.92	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2403392	Nguyễn Ngọc Dương	14	92	3.93	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2403414	Bành Gia Ngân	13	92	3.85	Xuất sắc	9.520.000	
4	B2403415	Thái Ngọc Ngân	13	93	3.85	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							38.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.904.000 đồng								
25 .Lớp: DA2466T1								
1	B2403464	Phan Nhã Trọng Đạt	15	93	3.89	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng								
26 .Lớp: DA2466T2								
1	B2403476	Bùi Như Mơ	12	100	3.79	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.708.000 đồng								
27 .Lớp: DA24U5A1								
1	B2407889	Quách Thị Kim Đoan	14	95	3.5	Giỏi	9.050.000	
2	B2407908	Huỳnh Mỹ Xuyên	14	90	3.42	Giỏi	9.050.000	
3	B2407930	Nguyễn Hoàng Tuấn Vỹ	16	92	3.5	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
28 .Lớp: DA2508A1								
1	B2500146	Phạm Quốc Kha	13	87	3.88	Giỏi	9.050.000	
2	B2500153	Phan Thị Hồng Lê	13	94	3.46	Giỏi	9.050.000	
3	B2500161	Dương Thanh Ngân	13	82	3.46	Giỏi	9.050.000	
4	B2500170	Lê Ngọc Yến Nhi	13	85	3.81	Giỏi	9.050.000	
5	B2500178	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	13	85	3.73	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							45.250.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 42.827.200 đồng								
29 .Lớp: DA2508A2								
1	B2500207	Quách Trần Minh Anh	13	85	3.58	Giỏi	9.050.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2500208	Lê Thị Nhật Ánh	13	85	3.65	Giỏi	9.050.000	
3	B2500225	Nguyễn Khánh Hưng	13	85	3.58	Giỏi	9.050.000	
4	B2500232	Ngô Anh Kiệt	13	83	3.73	Giỏi	9.050.000	
5	B2500268	Đặng Thị Lệ Thy	13	90	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							46.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 40.414.400 đồng								
30 .Lớp: DA2508A3								
1	B2500298	Đặng Tấn Đạt	13	90	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2500335	Trần Cẩm Ny	13	90	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2500348	Lê Thương	13	90	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2500351	Lê Ngọc Trân	13	90	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 40.414.400 đồng								
31 .Lớp: DA2508F1								
1	B2500381	Phan Nguyễn Tấn Khởi	15	85	3.93	Giỏi	13.600.000	
2	B2500398	Trang Trí Phát	15	82	3.83	Giỏi	13.600.000	
Cộng lớp:							27.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.536.800 đồng								
32 .Lớp: DA2508F2								
1	B2500453	Nguyễn Nguyên Phát	15	90	4	Xuất sắc	15.860.000	
2	B2500459	Văng Thanh Thiên	15	95	3.93	Xuất sắc	15.860.000	
3	B2500463	Hoàng Lê Anh Thư	15	95	3.93	Xuất sắc	15.860.000	
Cộng lớp:							47.580.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.630.400 đồng								
33 .Lớp: DA2566A1								
1	B2503279	Trần Trung Dũng	13	95	3.62	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2503282	Trần Khánh Đăng	13	93	3.62	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2503325	Lê Tổ Trân	13	93	3.92	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							28.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng								
34 .Lớp: DA2566A2								
1	B2503365	Nguyễn Thị Kiều My	13	93	3.77	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2503369	Lâm Xuân Nghi	13	95	3.65	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2503378	Lê Hoàng Phúc	13	94	3.88	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							28.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.552.000 đồng								
35 .Lớp: DA2566A3								
1	B2503399	Võ Thị Như Anh	13	93	3.73	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2503435	Nguyễn Kim Ngọc	13	93	3.73	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2503455	Nguyễn Khả Trúc	13	93	3.88	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							28.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.744.000 đồng								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
36 .Lớp: DA2566T1								
1	B2503489	Trần Lâm Uyên Nhi	15	100	4	Xuất sắc	15.860.000	
2	B2503498	Phan Trọng Tín	15	100	4	Xuất sắc	15.860.000	
Cộng lớp:							31.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.068.800 đồng								
37 .Lớp: DA25U5A1								
1	B2508772	Nguyễn Thị Như Ngọc	13	92	3.58	Giỏi	9.050.000	
2	B2508792	Mai Đại Hào	13	95	3.42	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.318.400 đồng								
38 .Lớp: NN2208F1								
1	B2200228	Nguyễn Ngô Phương Anh	14	100	3.79	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.204.000 đồng								
39 .Lớp: NN2208F2								
1	B2200254	Trần Thị Mỹ Ngọc	14	94	3.79	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.212.000 đồng								
40 .Lớp: DI2296F1								
1	B2203567	Mai Nhật Minh	12	100	3.75	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2203588	Lê Lư Huyền Trân	12	100	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng								
41 .Lớp: DI2296F2								
1	B2203579	La Trí Tâm	13	100	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.204.000 đồng								
42 .Lớp: DI22V7F1								
1	B2205987	Thạch Nguyễn Khang	15	97	3.8	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.700.000 đồng								
43 .Lớp: DI22V7F2								
1	B2206004	Trần Thị Kim Phụng	14	93	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng								
44 .Lớp: DI2395A1								
1	B2303744	Nguyễn Thị Ngọc Hân	15	90	3.8	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2303753	Trần Vi Hưng	14	90	3.82	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2303759	Nguyễn Đức Lộc	14	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2303769	Nguyễn Minh Ngọc	12	100	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
45 .Lớp: DI2396A1								
1	B2303832	Trần Văn Nghĩa	13	100	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2303837	Lê Hoàng Nhi	14	96	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2303839	Võ Minh Nhựt	14	100	3.89	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2303844	Trần Trọng Phúc	13	96	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.017.600 đồng								
46 .Lớp: DI2396F1								
1	B2306678	Đào Công Pha	13	95	3.88	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng								
47 .Lớp: DI2396F2								
1	B2303904	Ngô Hưng Thịnh	13	93	3.73	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.708.000 đồng								
48 .Lớp: DI23D1A1								
1	B2303950	Trương Khánh Quyên	13	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2303951	Trần Thị Tuyết Quỳnh	14	100	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2303959	Trần Anh Thy	13	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.680.000 đồng								
49 .Lớp: DI23D1A2								
1	B2303986	Lê Gia Huy	14	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2303997	Trần Thị Như Lan	15	97	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2304023	Lê Thành Tính	14	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.568.000 đồng								
50 .Lớp: DI23D2A1								
1	B2304052	Nguyễn Chí Hùng	16	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304055	Đặng Lê Gia Khánh	14	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2304071	Nguyễn Thị Trúc Ngân	12	95	4	Xuất sắc	10.560.000	D
4	B2304075	Lê Thanh Phát	16	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.176.000 đồng								
51 .Lớp: DI23T9A1								
1	B2305571	Trần Gia Hân	12	98	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2305602	Hồ Yến Oanh	14	100	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2305616	Nguyễn Phước Trường	12	96	3.5	Giỏi	9.050.000	
4	B2305618	Trần Minh Tú	12	83	3.63	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							39.220.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.588.800 đồng								
52 .Lớp: DI23V7A1								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2306569	Nguyễn Tiến Phát	14	94	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2306573	Trần Minh Phú	14	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2306588	Ngô Dương Nhật Thương	14	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2306598	Nguyễn Minh Tuấn	12	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
5	B2306603	Trần Anh Vũ	14	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							52.800.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 52.478.400 đồng								
53 .Lớp: DI23V7F1								
1	B2306683	Mai Lê Anh Thy	13	100	3.88	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2306694	Trần Trọng Văn	15	94	4	Xuất sắc	13.090.000	
3	B2306695	Trần Hiếu Vi	15	100	3.88	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							39.270.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.668.000 đồng								
54 .Lớp: DI23Z6A1								
1	B2308362	Nguyễn Văn Hoàng Huy	12	99	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2308377	Dương Trọng Nhân	15	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2308401	Lê Văn Tuấn	15	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2308407	Huỳnh Ngọc Phi Yên	14	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng								
55 .Lớp: DI2495A1								
1	B2404855	Lê Hữu Hào	14	85	3.68	Giỏi	9.050.000	
2	B2404880	Nguyễn Tuyết Thơ	13	97	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
56 .Lớp: DI2495A2								
1	B2404909	Võ Thị Cẩm Ly	14	95	3.89	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2404930	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	15	87	3.79	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
57 .Lớp: DI2495F1								
1	B2404954	Đinh Tuyết Ngân	13	98	3.81	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.456.000 đồng								
58 .Lớp: DI2495F2								
1	B2404958	Đặng Bích Phượng	14	80	3.42	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							11.220.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.960.000 đồng								
59 .Lớp: DI2496A1								
1	B2404981	Nguyễn Văn Đạt	14	95	3.89	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2404990	Đặng Hữu Khang	15	98	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2405001	Thái Trường Nguyên	15	100	4	Xuất sắc	10.560.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.540.800 đồng								
60 .Lớp: DI2496A2								
1	B2405059	Nguyễn Thị Thùy Trang	14	90	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2405061	Trần Huỳnh Đức Trung	12	92	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng								
61 .Lớp: DI2496F1								
1	B2405079	Trần Anh Khôi	14	100	3.93	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2405093	Lâm Nguyễn Trúc Quỳnh	12	95	3.83	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng								
62 .Lớp: DI2496F2								
1	B2405116	Trần Phú Hưng	15	95	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2405134	Đặng Lam Sơn	18	100	3.97	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng								
63 .Lớp: DI24D1A1								
1	B2405391	Trần Chí Hạo	15	91	3.86	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2405399	Trần Anh Mạnh	12	93	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2405415	Nguyễn Hoàng Quy	12	96	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.232.000 đồng								
64 .Lớp: DI24D1A2								
1	B2405436	Lê Tấn Dũng	12	100	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2405437	Huỳnh Trần Anh Đào	13	99	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2405451	Võ Huỳnh Ngân	15	100	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.288.000 đồng								
65 .Lớp: DI24D2A1								
1	B2405483	Võ Mai Nhật Anh	12	96	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2405484	Nguyễn Bá Thiên Ân	12	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2405491	Bùi Văn Duy	13	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2405534	Nguyễn Nhật Niềm Tin	18	90	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng								
66 .Lớp: DI24T9A1								
1	B2407532	Trần Anh Khoa	14	95	3.57	Giỏi	9.050.000	
2	B2407543	Phạm Đoàn Minh Nhật	15	85	3.79	Giỏi	9.050.000	
3	B2407552	Nguyễn Anh Thư	13	100	3.5	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.953.600 đồng								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
67 .Lớp: DI24T9A2								
1	B2407570	Tạ Minh Châu	13	93	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2407604	Võ Trần Duy Thường	12	100	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2407611	Dương Minh Triết	12	92	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.747.200 đồng								
68 .Lớp: DI24V7A1								
1	B2408793	Bùi Quốc Hưng	12	93	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2408828	Nguyễn Minh Triền	12	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2408830	Lê Nhã Trúc	17	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.985.600 đồng								
69 .Lớp: DI24V7A2								
1	B2408847	Lê Quân Hạo	12	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2408874	Lê Thị Thúy Quỳnh	13	99	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2408886	Lương Hoàng Thông	12	92	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng								
70 .Lớp: DI24V7F1								
1	B2408946	Bí Nhựt Duy	14	92	3.88	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2408962	Nguyễn Thành Nam	13	72	3.88	Khá	9.350.000	
3	B2408971	Ngô Thiện Quang	17	79	3.91	Khá	9.350.000	
Cộng lớp:							31.790.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng								
71 .Lớp: DI24V7F2								
1	B2408992	Ngô Nguyễn Minh Đăng	12	96	3.86	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2408993	Võ Hoàng Xuân Giao	14	90	3.73	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng								
72 .Lớp: DI24Z6A1								
1	B2410676	Nguyễn Minh Khôi	15	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2410681	Võ Hoàng Luân	14	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2410690	Đỗ Thời Phong	14	98	3.89	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.160.000 đồng								
73 .Lớp: DI24Z6A2								
1	B2410733	Phan Phú Lợi	14	98	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2410735	Hồ Thị Thanh Ngân	14	99	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2410737	Lê Hoàng Nguyên	13	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng								
74 .Lớp: DI2595A1								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2504803	Đỗ Hoàng Lộc	13	97	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2504819	Lê Thiên Thức	13	97	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng								
75 .Lớp: DI2595A2								
1	B2504825	Nguyễn Lê Đức Anh	13	92	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2504861	Đoàn Huỳnh Nhã Trân	13	97	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng								
76 .Lớp: DI2595F1								
1	B2504874	Nguyễn Trần Phúc Huy	15	94	3.83	Xuất sắc	15.860.000	
2	B2504882	Ngô Triệu Mẫn	15	83	4	Giỏi	13.600.000	
3	B2504898	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	15	87	3.93	Giỏi	13.600.000	
Cộng lớp:							43.060.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.162.400 đồng								
77 .Lớp: DI2596A1								
1	B2504937	Trần Hương Quỳnh	14	91	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2504939	Nguyễn Hữu Tài	14	93	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng								
78 .Lớp: DI2596A2								
1	B2504973	Lê Thị Nguyễn	14	92	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2504974	Phan Thị Kim Như	14	92	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng								
79 .Lớp: DI2596F1								
1	B2504995	Cao Lê Phúc An	15	92	3.63	Xuất sắc	15.860.000	
2	B2505015	Mai Quang Minh	15	91	3.87	Xuất sắc	15.860.000	
Cộng lớp:							31.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.443.200 đồng								
80 .Lớp: DI2596F2								
1	B2505053	Trần Trí Lâm	15	80	4	Giỏi	13.600.000	
2	B2505062	Phan Trần Nguyễn	15	95	3.77	Xuất sắc	15.860.000	
Cộng lớp:							29.460.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.349.600 đồng								
81 .Lớp: DI25D1A1								
1	B2505391	Nguyễn Kiều Duy	14	90	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2505404	Trịnh Minh Kiệt	14	97	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2505405	Nguyễn Thị Kim Kiều	14	95	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.152.000 đồng								
82 .Lớp: DI25D1A2								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2505451	Lương Thanh Bình	14	95	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2505481	Ngô Như Quỳnh	14	96	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2505490	Huỳnh Phúc Thịnh	14	95	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.512.000 đồng								
83 .Lớp: DI25D2A1								
1	B2505507	Lê Diệu Ái	14	97	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2505510	Võ Chí Công	14	93	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2505538	Nguyễn Thành Phát	14	97	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2505547	Trần Hữu Thắng	14	99	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.969.600 đồng								
84 .Lớp: DI25D6A1								
1	B2505823	Nguyễn Bá Cả	14	95	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2505854	Nguyễn Huỳnh Khánh Ng	14	96	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2505859	Huỳnh Gia Phú	14	93	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.795.200 đồng								
85 .Lớp: DI25T9A1								
1	B2508345	Lê Ngọc Huỳnh Anh	14	85	3.86	Giỏi	9.050.000	
2	B2508382	Huỳnh Minh Trí	14	85	3.86	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.318.400 đồng								
86 .Lớp: DI25T9A2								
1	B2508409	Nguyễn Cao Đức Phát	14	92	3.64	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2508425	Phạm Thanh Tùng	14	91	3.64	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
87 .Lớp: DI25T9F1								
1	B2508440	Vương Thái Khang	15	85	3.63	Giỏi	13.600.000	
2	B2508459	Phan Nguyễn Thành Tài	15	85	3.77	Giỏi	13.600.000	
3	B2508460	Khuru Đại Thành	15	85	3.7	Giỏi	13.600.000	
Cộng lớp:							40.800.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.256.000 đồng								
88 .Lớp: DI25V7A1								
1	B2509673	Lê Thị Tuyết Lan	13	95	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2509692	Phan Nguyễn Vinh Quang	13	95	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2509708	Nguyễn Thùy Vân	13	94	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.382.400 đồng								
89 .Lớp: DI25V7A2								
1	B2509717	Trần Đặng Công Danh	13	92	3.85	Xuất sắc	10.560.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2509737	Tạ Vĩnh Lân	13	92	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2509745	Lê Quang Nhã	13	90	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.795.200 đồng								
90 .Lớp: DI25V7F1								
1	B2509820	Nguyễn Thị Kim Anh	15	90	3.7	Xuất sắc	15.860.000	
2	B2509853	Nguyễn Chí Thanh	15	95	3.7	Xuất sắc	15.860.000	
Cộng lớp:							31.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.068.800 đồng								
91 .Lớp: DI25V7F2								
1	B2509862	Bùi Phạm Lan Anh	15	96	3.7	Xuất sắc	15.860.000	
2	B2509883	Phạm Trần Thảo Ngân	15	94	3.87	Xuất sắc	15.860.000	
Cộng lớp:							31.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.162.400 đồng								
92 .Lớp: DI25Z6A1								
1	B2511648	Trịnh Phan Thiên Ân	13	92	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2511670	Huỳnh Tổ Ngọc	13	97	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
93 .Lớp: DI25Z6A2								
1	B2511705	Nguyễn Hoàng Khang	13	95	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2511724	Lê Bá Tình	13	95	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
94 .Lớp: HG23V7A1								
1	B2306614	Nguyễn Hoàng Hào	17	100	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2306627	Huỳnh Khánh Linh	15	96	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.699.200 đồng								
95 .Lớp: HG24V7A1								
1	B2408904	Trần Thanh Hà	16	95	3.8	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2408928	Trương Duy Quý	16	93	3.9	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
96 .Lớp: HG25V7A1								
1	B2509795	Mai Cúc Hương	14	80	3.61	Giỏi	9.050.000	
2	B2509808	Dương Thê Phụng	14	87	4	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.508.800 đồng								
97 .Lớp: FL23V1A1								
1	B2306053	Nguyễn Ngọc Phương Bì	16	93	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2306056	Vũ Như Đan	16	97	3.94	Xuất sắc	9.240.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2306108	Nguyễn Thanh Danh	14	95	4	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2306124	Nguyễn Thị Ngoan	13	95	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.736.000 đồng								
98 .Lớp: FL23V1F1								
1	B2306229	Nguyễn Khánh Quỳnh	16	91	3.82	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2306239	Võ Ngọc Thủy Tiên	17	100	3.88	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.684.000 đồng								
99 .Lớp: FL23V1F2								
1	B2306263	Nguyễn Văn Anh Kiệt	16	100	3.91	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2306285	Lâm Ngọc Phương Thùy	16	100	3.88	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.936.000 đồng								
100 .Lớp: FL23V1F3								
1	B2306225	Biện Bảo Như	13	91	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2306238	Hoàng Thị Thương	14	100	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.936.000 đồng								
101 .Lớp: FL23X1A1								
1	B2307534	Trần Cẩm Duyên	14	90	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2307536	Lê Hồng Đức	14	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.121.600 đồng								
102 .Lớp: FL23X1A2								
1	B2307591	Nguyễn Minh Tâm	14	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2307593	Thạch Ngọc Thiện	14	98	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.612.000 đồng								
103 .Lớp: FL23X2A1								
1	B2307613	Nguyễn Bảo Ngọc	13	97	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.057.600 đồng								
104 .Lớp: FL23Z8A1								
1	B2306065	Lư Nhật Linh	16	93	3.84	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2306085	Nguyễn Thanh Tâm	14	100	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng								
105 .Lớp: FL23Z9A1								
1	B2308445	Trương Kim Trân	13	97	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2308446	Trần Thị Ngọc Trinh	16	100	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.368.000 đồng								
106 .Lớp: FL24V1A1								
1	B2408140	Nguyễn Thái Học	14	92	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2408325	Phan Thị Mỹ Linh	13	93	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2408332	Trần Thị Hồng Ngọc	13	97	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.568.000 đồng								
107 .Lớp: FL24V1A2								
1	B2408216	Phạm Thảo Nguyên	13	100	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2408238	Nguyễn Nhật Trường	13	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2408346	Phan Nhật Tân	15	94	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.040.000 đồng								
108 .Lớp: FL24V1A3								
1	B2408258	Trần Mỹ Hằng	13	92	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2408277	Nguyễn Thanh Ngân Nhi	14	98	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2408297	Nguyễn Thị Đình Tuệ	13	90	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.984.000 đồng								
109 .Lớp: FL24V1F1								
1	B2408431	Hoàng Trần Gia Anh	13	95	3.92	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2408450	Tạ Xuân Mai	14	100	3.77	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng								
110 .Lớp: FL24V1F2								
1	B2408519	Ngô Nguyễn Ngọc Trân	13	91	3.88	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2408524	Trần Kim Yến	13	98	3.85	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.936.000 đồng								
111 .Lớp: FL24V1F3								
1	B2408473	Lưu Hoàng Minh Trúc	13	100	3.65	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng								
112 .Lớp: FL24X1A1								
1	B2409888	Trần Thị Mộng Mơ	16	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2409894	Hồ Phạm Yến Nhi	14	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2409907	Trần Duy Thái	15	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
4	B2409909	Nguyễn Thanh Thành	17	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							35.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.160.000 đồng								
113 .Lớp: FL24X1A2								
1	B2409923	Trang Quốc An	13	100	4	Xuất sắc	8.810.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2409940	Huỳnh Thảo Ngân	14	97	4	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2409954	Đặng Hữu Tâm	14	97	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.656.800 đồng								
114 .Lớp: FL24X2A1								
1	B2409990	Đoàn Thị Ngọc Tú	12	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.548.000 đồng								
115 .Lớp: FL24Z8A1								
1	B2408197	Lê Nguyễn Ngọc Hải	13	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2408294	Nguyễn Trần Hoàng Thy	15	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2408351	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	14	90	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.096.000 đồng								
116 .Lớp: FL24Z9A1								
1	B2410765	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	13	93	3.54	Giỏi	7.920.000	
2	B2410806	Lâm Hải Yến	13	95	3.62	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							17.160.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng								
117 .Lớp: FL24Z9A2								
1	B2410823	Châu Khánh Linh	12	100	3.91	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2410830	Nguyễn Trần Minh Nghi	13	97	3.85	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.176.000 đồng								
118 .Lớp: FL25V1A1								
1	B2508959	Nguyễn Ngọc Hân	12	92	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2508995	Võ Thị Cẩm Tiên	12	100	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2509006	Lý Chí Vỹ	12	92	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.512.000 đồng								
119 .Lớp: FL25V1A2								
1	B2509011	Trần Thị Lan Anh	12	98	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2509031	Huỳnh Quang Minh	12	90	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2509042	Nguyễn Phi Nhung	12	95	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.400.000 đồng								
120 .Lớp: FL25V1A3								
1	B2509069	Đặng Ngọc Trâm Anh	12	95	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2509110	Châu Huỳnh Sơn	12	92	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2509113	Đông Ngọc Huỳnh Thư	12	98	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.400.000 đồng								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
121 .Lớp: FL25V1A4								
1	B2509129	Lâm Hà Nhật Anh	12	100	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2509165	Đặng Như Phụng	12	95	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.400.000 đồng								
122 .Lớp: FL25V1F1								
1	B2509255	Lê Huỳnh Trí A	13	97	3.69	Xuất sắc	15.860.000	
2	B2509280	Huỳnh Nguyễn Thiên Phú	13	98	3.92	Xuất sắc	15.860.000	
Cộng lớp:							31.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.256.000 đồng								
123 .Lớp: FL25V1F2								
1	B2503466	Cao Thái Đăng	13	95	3.77	Xuất sắc	15.860.000	
2	B2509309	Nguyễn Thị Mỹ Hy	13	93	3.62	Xuất sắc	15.860.000	
Cộng lớp:							31.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.162.400 đồng								
124 .Lớp: FL25V1F3								
1	B2509364	Châu Ngọc Phụng	13	98	3.92	Xuất sắc	15.860.000	
2	B2509368	Nguyễn Mai Ngọc Thi	13	90	4	Xuất sắc	15.860.000	
3	B2509373	Nguyễn Ngọc Trân	13	98	3.92	Xuất sắc	15.860.000	
Cộng lớp:							47.580.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.162.400 đồng								
125 .Lớp: FL25X1A1								
1	B2510799	Nguyễn Ánh Dương	12	93	3.83	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2510808	Nguyễn Trung Kiên	12	100	3.83	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2510838	Tiền Ái Vy	12	97	3.83	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.153.600 đồng								
126 .Lớp: FL25X1A2								
1	B2510847	Nguyễn Yến Duy	12	97	3.83	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2510849	Nguyễn Quốc Đăng	12	100	3.83	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2510871	Trần Minh Phát	12	96	3.83	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.153.600 đồng								
127 .Lớp: FL25X2A1								
1	B2510893	Nguyễn Đặng Thuỳ Dương	13	93	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2510927	Đào Nguyễn Kim Xuân	13	100	3.73	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.605.600 đồng								
128 .Lớp: FL25Z8A1								
1	B2509090	Nguyễn Tô Như Mai	12	90	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2509134	Lý Minh Chánh	12	97	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.784.000 đồng								
129 .Lớp: FL25Z9A1								
1	B2511754	Nguyễn Chí Nghiệp	13	94	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2511765	Nguyễn Vũ Lan Quyên	13	90	3.85	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng								
130 .Lớp: FL25Z9A2								
1	B2511807	Mai Văng Nhân	13	100	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2511826	Huỳnh Thảo Vy	13	97	3.62	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng								
131 .Lớp: HG23V1A1								
1	B2306174	Trần Nguyễn Kim Nhi	17	100	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2306176	Nguyễn Thuận Phát	17	100	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng								
132 .Lớp: HG24V1A1								
1	B2408365	Ngô Trường An	13	95	3.63	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2408370	Trần Minh Duy	13	92	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2408415	Nguyễn Hoàng Minh Thu	13	90	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.096.000 đồng								
133 .Lớp: HG25V1A1								
1	B2509219	Lê Kiều Diễm My	13	95	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2509225	Đặng Thị Tuyết Nhi	13	90	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2509234	Phạm Lê Phúc	13	96	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.512.000 đồng								
134 .Lớp: HG23U7A1								
1	B2305874	Đinh Thị Mỹ Huyền	14	83	3.93	Giỏi	9.050.000	
2	B2305884	Nguyễn Duy Linh	14	100	3.61	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
135 .Lớp: HG23U7A2								
1	B2305952	Lê Thị Thu Ngân	17	89	3.44	Giỏi	9.050.000	
2	B2305967	Nguyễn Hữu Thoại	15	100	3.57	Giỏi	9.050.000	
3	B2305980	Huỳnh Thị Cẩm Tú	17	88	3.76	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
136 .Lớp: HG24U7A1								
1	B2407937	Nguyễn Văn Cường	14	71	3.08	Khá	7.540.000	
2	B2407938	Trần Xuân Diệu	15	88	3.11	Khá	7.540.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2407983	Huỳnh Thị Kim Thư	14	71	3.12	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							22.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.318.400 đồng								
137 .Lớp: HG24U7A2								
1	B2408030	Lê Trọng Nghĩa Nhân	17	91	2.63	Khá	7.540.000	
2	B2408050	Nguyễn Trần Ngọc Trang	15	65	2.86	Khá	7.540.000	
3	B2408059	Lê Nguyễn Hoàng Yến	14	65	3.14	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							22.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
138 .Lớp: HG25U7A1								
1	B2508861	Lê Quốc Kỳ	13	83	3.42	Giỏi	9.050.000	
2	B2508863	Nguyễn Lê Kim Ngân	13	89	3.23	Giỏi	9.050.000	
3	B2508865	Trần Đức Nguyên	13	81	3.35	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.160.000 đồng								
139 .Lớp: KH2369A1								
1	B2302784	Lê Tấn Tài	15	96	3.73	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2302789	Ngô Phương Thùy	12	98	3.79	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							19.040.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.408.000 đồng								
140 .Lớp: KH2369A2								
1	B2302808	Ngô Quốc Khanh	14	95	3.88	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2302811	Phan Văn Nhựt Linh	16	81	3.6	Giỏi	8.160.000	
Cộng lớp:							17.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.496.000 đồng								
141 .Lớp: KH2389A1								
1	B2303512	Đỗ Trọng Ân	17	97	3.72	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2303537	Nguyễn Phước Nhân	14	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.318.400 đồng								
142 .Lớp: KH2389A2								
1	B2303559	Đoàn Công Danh	16	96	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2303579	Võ Giang Nam	14	93	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng								
143 .Lớp: KH2394A1								
1	B2303693	Nguyễn Thị Thùy Dung	16	95	3.63	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2303701	Nguyễn Tiết Lan Hương	13	100	3.73	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							19.040.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.040.000 đồng								
144 .Lớp: KH23D3A1								
1	B2304105	Trần Hồ Bảo Hân	12	100	3.75	Xuất sắc	10.560.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2304123	Nguyễn Văn Phi	15	93	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng								
145 .Lớp: KH23D3A2								
1	B2302187	Nguyễn Hứa Thiện Tâm	14	92	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304171	Văn Thị Huỳnh Như	17	91	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
146 .Lớp: KH23T3A1								
1	B2304944	Nguyễn Trần Nhật Anh	12	92	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304962	Nguyễn Thị Hằng Nga	14	100	3.96	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2304969	Nguyễn Trần Duy Quang	13	100	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.144.000 đồng								
147 .Lớp: KH23T3A2								
1	B2304992	Lâm Xuân Bách	12	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2305028	Cù Thị Thúy Uyên	13	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng								
148 .Lớp: KH23U1A1								
1	B2305620	Đỗ Huỳnh Tuấn Anh	13	94	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2305641	Phan Thị Chúc Lo	14	96	3.57	Giỏi	9.050.000	
3	B2305663	Ngô Nguyễn Bảo Trân	12	100	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							30.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.540.800 đồng								
149 .Lớp: KH2469A1								
1	B2403748	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	12	98	3.73	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2403764	Nguyễn Hoàng Tuyết Nh	12	89	3.58	Giỏi	8.160.000	
3	B2403768	Danh Bình Nhưỡng	12	100	3.58	Giỏi	8.160.000	
Cộng lớp:							25.840.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.832.000 đồng								
150 .Lớp: KH2469A2								
1	B2403820	Phạm Thị Ngọc Mai	12	100	4	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2403842	Trần Quang Thắng	13	100	3.79	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2403848	Nguyễn Minh Triết	13	100	3.79	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							28.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng								
151 .Lớp: KH2489A1								
1	B2404597	Nguyễn Thanh Huy	13	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2404610	Phan Trần Trí Nguyên	12	97	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2404616	Hồ Trọng Quân	12	97	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.350.400 đồng								
152 .Lớp: KH2489A2								
1	B2404633	Phạm Phước Anh	12	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2404650	Trần Quang Khải	12	90	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng								
153 .Lớp: KH2494A1								
1	B2404773	Nguyễn Thị Loan Em	14	97	3.82	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2404796	Trần Thúy Quyên	12	91	3.86	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							19.040.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.040.000 đồng								
154 .Lớp: KH2494A2								
1	B2404830	Trần Cẩm Nguyên	13	83	3.62	Giỏi	8.160.000	
2	B2404847	Thái Bình Phương Uyên	12	95	3.91	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							17.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.408.000 đồng								
155 .Lớp: KH24D3A1								
1	B2405550	Nguyễn Thị Thuý Ái	13	86	3.31	Giỏi	9.050.000	
2	B2405576	Trương Thị Huỳnh Nhi	14	90	3.23	Giỏi	9.050.000	
3	B2405592	Lư Thị Ngọc Trinh	17	81	3.53	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.747.200 đồng								
156 .Lớp: KH24D3A2								
1	B2403024	Nguyễn Ngọc Thảo Nguy	12	84	3.67	Giỏi	9.050.000	
2	B2405613	Lê Thị Diệu Hiền	13	88	3.77	Giỏi	9.050.000	
3	B2405641	Chung Quốc Tiến	13	99	3.58	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng								
157 .Lớp: KH24T3A1								
1	B2406767	Mai Định Huy	13	92	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2406777	Nguyễn Thanh Thúy Ngâ	15	92	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2406803	Phạm Thanh Yên	12	91	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.160.000 đồng								
158 .Lớp: KH24T3A2								
1	B2406808	Phan Thanh Chương	12	90	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2406827	Trần Hồng Minh	13	90	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2406855	Trần Bảo Yến	13	94	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.144.000 đồng								
159 .Lớp: KH24U1A1								
1	B2407632	Ngô Hoàng Khang	16	94	3.67	Xuất sắc	10.560.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2407666	Ngô Bùi Kiều Ngọc Như	12	95	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
160 .Lớp: KH24U1A2								
1	B2407683	Trần Thành Lộc	12	81	3.42	Giỏi	9.050.000	
2	B2407698	Võ Thị Mỹ Quyền	15	98	3.53	Giỏi	9.050.000	
3	B2407710	Nguyễn Huỳnh Anh Tuấn	13	85	3.67	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng								
161 .Lớp: KH2569A1								
1	B2503786	Lê Ngọc Ngân Kim	13	94	3.77	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2503806	Võ Văn Quý	13	91	4	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2503810	Lê Phương Thảo	13	91	3.73	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							28.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.656.000 đồng								
162 .Lớp: KH2569A2								
1	B2503830	Trần Phước Hào	13	93	3.73	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2503873	Huỳnh Nguyên Như Ý	13	91	3.73	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2503874	Trần Ngọc Như Ý	13	95	3.92	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							28.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.568.000 đồng								
163 .Lớp: KH2589A1								
1	B2504515	Kiều Lê Diễm Hằng	13	100	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2504528	Bùi Trang Nhung	13	99	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng								
164 .Lớp: KH2589A2								
1	B2504559	Lâm Hào	13	96	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2504570	Phạm Hoàng Minh	13	94	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2504594	Huỳnh Nguyễn Tường Vy	13	98	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.540.800 đồng								
165 .Lớp: KH2594A1								
1	B2504708	Trần Thị Mỹ Ngộ	13	93	3.69	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2504716	Nguyễn Đoàn Xuân Quỳnh	13	100	3.65	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							19.040.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.304.000 đồng								
166 .Lớp: KH2594A2								
1	B2504743	Tô Trí Đức	13	92	3.54	Giỏi	8.160.000	
2	B2504753	Phạm Thị Thanh Ngân	13	92	3.54	Giỏi	8.160.000	
3	B2504768	Lê Quốc Thịnh	13	80	3.65	Giỏi	8.160.000	
Cộng lớp:							24.480.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng								
167 .Lớp: KH25D3A1								
1	B2505586	Du Kim Ngân	13	92	3.58	Giỏi	9.050.000	
2	B2505592	Nguyễn Minh Nhựt	13	90	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2505598	Nguyễn Thị Phương Thảo	13	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							30.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.144.000 đồng								
168 .Lớp: KH25D3A2								
1	B2505630	Huỳnh Như Huỳnh	13	92	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2505635	Nguyễn Bé My	13	92	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2505644	Khương Hồng Phúc	13	82	3.69	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							30.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng								
169 .Lớp: KH25T3A1								
1	B2507482	Nguyễn Ngọc Phương Mai	13	95	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2507515	Huỳnh Ngọc Thúy Vy	13	94	3.65	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2507518	Nguyễn Như Ý	13	100	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.969.600 đồng								
170 .Lớp: KH25T3A2								
1	B2507531	Vũ Gia Huy	13	92	3.58	Giỏi	9.050.000	
2	B2507544	Nguyễn Kiều Ngân	13	94	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2507576	Lê Ngọc Như Ý	13	87	3.58	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							28.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.556.800 đồng								
171 .Lớp: KH25U1A1								
1	B2508471	Nguyễn Thiệu Bình	13	87	3.73	Giỏi	9.050.000	
2	B2508485	Tăng Quốc Kiệt	13	84	3.77	Giỏi	9.050.000	
3	B2508489	Trịnh Hoàng Minh	13	90	3.5	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
172 .Lớp: KH25U1A2								
1	B2508522	Hoàng Hào	13	95	3.42	Giỏi	9.050.000	
2	B2508539	Phạm Như Ngọc	13	100	3.23	Giỏi	9.050.000	
3	B2508544	Tổng Thành Phước	13	87	3.27	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng								
173 .Lớp: HG2322A1								
1	B2301246	Đoàn Mai Đình	13	96	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2301257	Nguyễn Yến Nhi	13	98	3.5	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							17.160.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.424.000 đồng								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
174 .Lớp: HG2323A1								
1	B2301567	Phan Khánh Luân	16	100	3.5	Giỏi	9.050.000	
2	B2301605	Nguyễn Thị Minh Thu	15	92	3.43	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.905.600 đồng								
175 .Lớp: HG2323A2								
1	B2301576	Lâm Thị Hồng Ngọc	16	89	3.72	Giỏi	9.050.000	
2	B2301581	Phan Thị Hằng Ni	16	83	3.53	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.905.600 đồng								
176 .Lớp: HG2422A1								
1	B2401727	Lê Thị Vân Anh	13	90	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2401795	Nguyễn Thị Vân Y	13	93	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2401799	Lê Thị Như Ý	13	99	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.152.000 đồng								
177 .Lớp: HG2423A1								
1	B2402140	Trần Trung Kiên	15	94	3.68	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2402152	Trần Thị Ngọc Mai	15	88	3.46	Giỏi	9.050.000	
3	B2402226	Võ Quốc Tuấn	16	98	3.43	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							28.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.176.000 đồng								
178 .Lớp: HG2423A2								
1	B2402108	Nguyễn Tuấn Duy	14	89	3.65	Giỏi	9.050.000	
2	B2402125	Ngô Thanh Hoà	13	72	3.42	Khá	7.540.000	
3	B2402171	Nguyễn Thị Yến Nhi	13	96	3.54	Giỏi	9.050.000	
4	B2402177	Đặng Thị Hoàng Phúc	13	92	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng								
179 .Lớp: HG2522A1								
1	B2501726	Khưu Nguyễn Kim Ngân	13	80	3.38	Giỏi	7.920.000	
2	B2501728	Cao Bảo Nghi	13	87	3.27	Giỏi	7.920.000	
3	B2501767	Nguyễn Phương Thanh V	13	83	3.42	Giỏi	7.920.000	
4	B2501772	Huỳnh Mỹ Xuyên	13	88	3.54	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.152.000 đồng								
180 .Lớp: HG2523A1								
1	B2502284	Lê Khánh Du	13	77	3.23	Khá	7.540.000	
2	B2502286	Võ Thị Thảo Duyên	13	73	3.15	Khá	7.540.000	
3	B2502290	Đinh Thị Mỹ Hạnh	13	67	2.92	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							22.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
181 .Lớp: KT2221F1								
1	B2200903	Đoàn Nguyễn Thiên Ân	12	96	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2200908	Phạm Minh Hiếu	12	98	4	Xuất sắc	13.090.000	
3	B2206147	Bùi Mã Ngọc My	12	88	3.63	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							37.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.400.000 đồng								
182 .Lớp: KT2221F2								
1	B2200948	Ngô Thị Hồng Diệp	12	85	3.63	Giỏi	11.220.000	
2	B2200979	Nguyễn Kim Trọng	12	92	3.63	Xuất sắc	13.090.000	
3	B2200984	Từ Nguyễn Khánh Vy	12	82	3.75	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							35.530.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.668.000 đồng								
183 .Lớp: KT2222F1								
1	B2201146	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	13	93	3.81	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2201150	Nguyễn Thị Ý Nhi	13	92	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.164.000 đồng								
184 .Lớp: KT2222F2								
1	B2201199	Nguyễn Đăng Quang	13	90	3.73	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2201205	Lâm Thị Minh Thư	13	99	3.77	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.676.000 đồng								
185 .Lớp: KT22W2F1								
1	B2206331	Nguyễn Thị Thanh Thảo	16	90	3.81	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2206348	Lương Mộng Tuyền	18	93	3.83	Xuất sắc	13.090.000	
3	B2206355	Phạm Huỳnh Như Ý	16	92	3.81	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							39.270.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.896.000 đồng								
186 .Lớp: KT22W4F1								
1	B2206522	Trần Nguyễn Gia Bảo	12	98	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2206553	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	13	96	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.668.000 đồng								
187 .Lớp: KT22W4F2								
1	B2206564	Hàng Ngọc Châu	15	90	3.9	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2206568	Nguyễn Thị Hương Giang	18	100	3.89	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng								
188 .Lớp: KT2320A1								
1	B2300928	Huỳnh Ngọc Hân	12	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2300935	Nguyễn Minh Khoa	14	97	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2300945	Trần Xuân Ngọc	14	100	4	Xuất sắc	9.240.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
4	B2300967	Vương Quốc Thống	16	97	3.91	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.184.000 đồng								
189 .Lớp: KT2321A1								
1	B2300989	Lê Tuấn Anh	14	90	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2301000	Võ Điền Ngân Đan	16	94	3.9	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2301020	Trần Thị Như Ngọc	14	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2301036	Nguyễn Văn Thắng	13	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
5	B2302172	Lâm Nguyễn Trúc Nguyên	12	92	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							46.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 44.880.000 đồng								
190 .Lớp: KT2321F1								
1	B2301077	Ngô Hải Ngọc	13	98	3.88	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2301085	Đặng Kim Sang	18	100	3.93	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.180.000 đồng								
191 .Lớp: KT2321F2								
1	B2301104	Ngô Thanh Hương	16	95	3.67	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2301106	Trần Thị Thùy Linh	16	89	3.8	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							24.310.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.684.000 đồng								
192 .Lớp: KT2322A1								
1	B2301133	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	13	96	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2301134	Trần Hồ Phương Anh	15	98	3.9	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2301182	Bùi Thị Kim Tuyền	13	96	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.400.000 đồng								
193 .Lớp: KT2322A2								
1	B2301196	Võ Quốc Hào	13	100	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2301207	Nguyễn Thị Kim Luyến	16	95	3.84	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2301228	Lê Thị Thanh Thúy	13	100	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.760.000 đồng								
194 .Lớp: KT2322F1								
1	B2301305	Huỳnh Thị Kim Ngân	17	95	3.68	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2301306	Lý Thị Thu Ngân	17	96	3.74	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.416.000 đồng								
195 .Lớp: KT2322F2								
1	B2301346	Nguyễn Tổng Thế Kiệt	17	88	3.65	Giỏi	11.220.000	
2	B2301375	Lê Ngọc Thanh Tuyền	14	95	3.79	Xuất sắc	13.090.000	
3	B2301378	Lưu Hải Yến	17	81	3.65	Giỏi	11.220.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							35.530.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.668.000 đồng								
196 .Lớp: KT2323A1								
1	B2301382	Thái Ngọc Ân	16	93	3.7	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2301394	Võ Thị Trúc Giang	17	95	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2301424	Huỳnh Thanh Như	20	95	3.7	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2301432	Nguyễn Kim Thảo	13	90	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.398.400 đồng								
197 .Lớp: KT2323A2								
1	B2301453	Đỗ Hồng Nhật Anh	16	99	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2301480	Nguyễn Xuân Kiều	12	86	4	Giỏi	9.050.000	
3	B2301508	Đặng Nguyễn Kim Thoa	14	95	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2301513	Võ Văn Toàn	16	100	3.66	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							40.730.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng								
198 .Lớp: KT2345A1								
1	B2302146	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	13	100	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2302161	Phạm Thị Cẩm Hương	16	98	3.94	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2302171	Trần Mỹ Ngọc	16	97	3.84	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2302188	Nguyễn Thị Thanh Thanh	13	92	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.848.000 đồng								
199 .Lớp: KT2390A1								
1	B2303639	Trần Ngọc Tú	15	85	3.73	Giỏi	7.920.000	
2	B2303645	Trương Minh Vy	14	90	3.65	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							17.160.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng								
200 .Lớp: KT2390A2								
1	B2303665	Đỗ Thị Ý Nhi	16	97	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2303668	Nguyễn Xuân Phương	14	92	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.008.000 đồng								
201 .Lớp: KT23V5A1								
1	B2301230	Võ Hồng Thư	12	93	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2306344	Trần Hoàng Hoài Thương	13	96	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2306359	Huỳnh Thái Vỹ	13	94	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2306361	Hồng Huỳnh Bảo Yến	12	94	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.264.000 đồng								
202 .Lớp: KT23W1A1								
1	B2306826	Nguyễn Thị Kiều Nga	13	100	3.88	Xuất sắc	9.240.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2306845	Lê Phương Vy	15	95	3.8	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng								
203 .Lớp: KT23W1A2								
1	B2306849	Huỳnh Thế Anh	14	95	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2306868	Nguyễn Đan Mẫn	15	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng								
204 .Lớp: KT23W2A1								
1	B2306899	Võ Thị Trúc Hà	18	92	3.74	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2306900	Trương Kim Hoa	14	100	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
3	C2300147	Trần Thanh Phúc	16	88	3.94	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							26.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.288.000 đồng								
205 .Lớp: KT23W2A2								
1	B2306936	Bùi Nguyễn Ngọc Anh	12	93	3.86	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2306976	Nguyễn Thị Vân	14	98	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng								
206 .Lớp: KT23W2F1								
1	B2306994	Nguyễn Thị Mỹ Hường	15	100	3.67	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2307005	Phan Thị Mỹ Như	16	97	3.77	Xuất sắc	13.090.000	
3	B2307028	Nguyễn Thị Nhã Yên	16	95	3.87	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							39.270.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.912.000 đồng								
207 .Lớp: KT23W3A1								
1	B2307056	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh	16	92	3.9	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307073	Trần Thị Mỹ Xuân	15	95	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.176.000 đồng								
208 .Lớp: KT23W3A2								
1	B2307081	Nguyễn Thị Bích Duyên	16	98	3.9	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307115	Nguyễn Thị Thảo Vân	16	96	3.9	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng								
209 .Lớp: KT23W4A1								
1	B2307120	Trần Quốc Anh	13	93	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307137	Lê Thị Mẫn	14	100	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2307162	Bùi Thanh Xuân	12	95	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.760.000 đồng								
210 .Lớp: KT23W4A2								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2307189	Phạm Thảo Nguyên	14	90	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307190	Lâm Yến Nhi	15	97	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng								
211 .Lớp: KT23W4F1								
1	B2307221	Huỳnh Ngọc Linh	17	93	3.78	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2307224	Nguyễn Ngọc Ngân	17	100	3.81	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.676.000 đồng								
212 .Lớp: KT23W4F2								
1	B2307263	Nguyễn Minh Long	16	92	3.81	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2307269	Lê Bảo Ngọc	17	90	3.63	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.928.000 đồng								
213 .Lớp: KT2420A1								
1	B2401244	Lý Thị Như Huỳnh	14	92	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2401259	Nguyễn Phan Bảo Nghi	14	96	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2401277	Phan Văn Tây	14	97	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.872.000 đồng								
214 .Lớp: KT2420A2								
1	B2401321	Hồ Thị Trúc Giang	13	97	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2401328	Lê Kim Hương	16	100	3.9	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2401336	Lê Nguyễn Phước Lộc	15	98	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.984.000 đồng								
215 .Lớp: KT2420A3								
1	B2401283	Nguyễn Phú Thịnh	14	95	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2401337	Nguyễn Thị Yến Ly	15	93	3.68	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2401361	Bùi Ngọc Lan Thanh	14	96	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.344.000 đồng								
216 .Lớp: KT2421A1								
1	B2401442	La Ái Uyên	15	95	3.64	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2401443	Nguyễn Thế Vinh	19	91	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2401444	Dương Thị Yến Vy	14	100	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.568.000 đồng								
217 .Lớp: KT2421A2								
1	B2401452	Nguyễn Gia Bảo	14	99	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2401478	Lê Phong Nhã	17	96	3.94	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2401495	Vũ Thị Thùy Trang	15	90	4	Xuất sắc	9.240.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.928.000 đồng								
218 .Lớp: KT2421F1								
1	B2401511	Bông Hồng Chúc	13	95	3.88	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2401543	Nguyễn Quế Trân	14	99	3.81	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng								
219 .Lớp: KT2422A1								
1	B2401552	Nguyễn Gia Bảo	15	90	3.82	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2401571	Nguyễn Mai Khôi	13	83	3.67	Giỏi	7.920.000	
3	B2401585	Nguyễn Trọng Nhuận	14	90	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							26.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.456.000 đồng								
220 .Lớp: KT2422A2								
1	B2401622	Phạm Thị Ngọc Hân	18	90	3.68	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2401626	Trần Diễm Huỳnh	12	90	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2401640	Võ Phan Bảo Ngọc	13	95	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.040.000 đồng								
221 .Lớp: KT2422A3								
1	B2401684	Huỳnh Thị Nhựt Huyền	13	94	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2401704	Nguyễn Quốc Phú	14	87	3.82	Giỏi	7.920.000	
3	B2401711	Nguyễn Thị Thanh Thảo	14	96	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							26.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.344.000 đồng								
222 .Lớp: KT2422F1								
1	B2401821	Vũ Xuân Ngọc	12	94	3.86	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2401828	Trần Lưu Thảo Phương	12	95	3.73	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.164.000 đồng								
223 .Lớp: KT2422F2								
1	B2401853	Mai Diễm Huỳnh	12	95	3.59	Giỏi	11.220.000	
2	B2401869	Hà Thanh Nhựt	12	88	3.45	Giỏi	11.220.000	
3	B2401875	Mạch Nhật Thịnh	12	93	3.73	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							35.530.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng								
224 .Lớp: KT2423A1								
1	B2401912	Trần Tuấn Huỳnh	13	96	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2401914	Lê Hoàng Kha	12	95	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2401920	Nguyễn Thành Lộc	12	92	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2401971	Trương Đình Trí	13	100	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
5	B2401983	Từ Thảo Vy	12	90	3.77	Xuất sắc	10.560.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							52.800.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 57.304.000 đồng								
225 .Lớp: KT2423A2								
1	B2401753	Đặng Huỳnh Anh Kiệt	12	94	3.42	Giỏi	9.050.000	
2	B2401993	Võ Thị Vân Anh	14	92	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2402020	Đỗ Thị Vân Linh	12	81	3.59	Giỏi	9.050.000	
4	B2402039	Huỳnh Yến Nhi	14	87	3.46	Giỏi	9.050.000	
5	B2402082	Nguyễn Huỳnh Thảo Vy	18	85	3.59	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							46.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 50.668.800 đồng								
226 .Lớp: KT2445A1								
1	B2402766	Lê Huỳnh Như Anh	13	100	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2402769	Nguyễn Gia Ân	12	95	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2402822	Huỳnh Diệp Văn	16	94	3.91	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.040.000 đồng								
227 .Lớp: KT2445A2								
1	B2402838	Nguyễn Phan Gia Hân	13	97	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2402842	Trịnh Ngọc Huỳnh	13	93	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2402869	Trương Huỳnh Như Thuậ	12	98	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.568.000 đồng								
228 .Lớp: KT2490A1								
1	B2404684	Trần Khánh Duy	16	97	3.53	Giỏi	7.920.000	
2	B2404686	Ngô Hải Đăng	18	80	3.53	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							15.840.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng								
229 .Lớp: KT2490A2								
1	B2404727	Nguyễn Ngọc Ánh	16	90	3.63	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2404758	Phạm Phúc Thịnh	13	93	3.5	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							17.160.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng								
230 .Lớp: KT24V5A1								
1	B2408561	Huỳnh Ngọc Hoài Trân	14	95	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2408565	Nguyễn Ngọc Hải Yến	15	97	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng								
231 .Lớp: KT24V5A2								
1	B2408566	Trịnh Nhã An	14	98	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2408573	Trịnh Hiền Đức	13	100	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
232 .Lớp: KT24W1A1								
1	B2409226	Trần Hữu Nhiệm	12	100	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2409235	Phan Phạm Quốc Thái	15	93	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2409243	Cao Quốc Trọng	13	100	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.232.000 đồng								
233 .Lớp: KT24W1A2								
1	B2409263	Diệp Gia Khuê	13	90	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2409283	Lê Thị Hồng Thắm	15	93	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng								
234 .Lớp: KT24W2A1								
1	B2409316	Bùi Thị Huỳnh My	14	83	3.69	Giỏi	7.920.000	
2	B2409327	Phạm Anh Quốc	12	97	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2409331	Nguyễn Thanh Thảo	14	90	3.62	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							26.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.928.000 đồng								
235 .Lớp: KT24W2A2								
1	B2409363	Huỳnh Giao	12	100	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2409406	Trần Tú Vân	13	96	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2409407	Trần Nhã Vi	16	91	3.72	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.400.000 đồng								
236 .Lớp: KT24W2F1								
1	B2409435	Nguyễn Thu Ngân	13	90	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2409457	Trần Thanh Trúc	13	100	3.92	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng								
237 .Lớp: KT24W3A1								
1	B2409463	Nguyễn Thị Lan Anh	14	90	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2409479	Trần Thị Thảo Mi	13	98	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2409497	Khuru Tuyền Thảo	13	93	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.984.000 đồng								
238 .Lớp: KT24W3A2								
1	B2409546	Lê Huỳnh Như	13	90	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2409553	Trần Ngọc Phương Thảo	15	90	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2409566	Lê Thúy Vy	12	95	3.86	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.984.000 đồng								
239 .Lớp: KT24W4A1								
1	B2409577	Nguyễn Trần Gia Bảo	12	99	4	Xuất sắc	9.240.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2409597	Trần Đăng Khoa	12	92	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2409623	Trương Thị Hồng Thắm	13	95	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.760.000 đồng								
240 .Lớp: KT24W4A2								
1	B2409654	Đoàn Mỹ Đình	13	91	3.63	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2409689	Ngô Diễm Quỳnh	13	92	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2409693	Trần Thanh Thảo	13	83	3.77	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							26.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.288.000 đồng								
241 .Lớp: KT24W4A3								
1	B2409574	Trần Ngọc Lan Anh	12	83	4	Giỏi	7.920.000	
2	B2409600	Lê Gia Phương Linh	15	97	3.87	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2409619	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh	13	88	3.88	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							25.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.288.000 đồng								
242 .Lớp: KT24W4F1								
1	B2409729	Dương Thiên Kim	14	99	3.69	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2409744	Nguyễn Châu Nhật Quang	13	92	3.69	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.692.000 đồng								
243 .Lớp: KT24W4F2								
1	B2409772	Lê Trần Nguyên Khôi	13	93	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2409789	Trần Hoàng Thái	13	98	3.81	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.196.000 đồng								
244 .Lớp: KT24W4F3								
1	B2409783	Nguyễn Phan Bảo Nhi	17	95	3.91	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2409788	Nguyễn Thị Ngọc Quý	14	95	3.92	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng								
245 .Lớp: KT2520A1								
1	B2501205	Hoàng Thị Triều An	13	85	3.69	Giỏi	7.920.000	
2	B2501230	Triệu Thị Thanh Ngân	13	83	3.69	Giỏi	7.920.000	
3	B2501236	Ngô Huỳnh Như	13	95	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							25.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.928.000 đồng								
246 .Lớp: KT2520A2								
1	B2501297	Nguyễn Ngọc Như	13	100	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2501304	Lê Hà Thanh Thanh	13	95	3.62	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2501313	Bùi Ngọc Trâm	13	100	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.152.000 đồng								
247 .Lớp: KT2521A1								
1	B2501384	Huỳnh Hồ Huy Hoàng	13	93	3.65	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2501390	Lê Trần Phương Linh	13	93	3.85	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2501420	Nguyễn Anh Thư	13	95	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.984.000 đồng								
248 .Lớp: KT2521A2								
1	B2501456	Đặng Lê Mỹ Ngọc	13	81	3.69	Giỏi	7.920.000	
2	B2501457	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	13	87	3.69	Giỏi	7.920.000	
3	B2501460	Lê Kim Nhân	13	83	3.73	Giỏi	7.920.000	
4	B2501471	Nguyễn Thành Tài	13	85	3.69	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.512.000 đồng								
249 .Lớp: KT2521F1								
1	B2501502	Lê Thúy Diễm	15	80	3.93	Giỏi	13.600.000	
2	B2501513	Tiêu Anh Kiệt	15	91	3.63	Xuất sắc	15.860.000	
Cộng lớp:							29.460.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.256.000 đồng								
250 .Lớp: KT2522A1								
1	B2501542	Lý Thị Thùy Duyên	13	87	3.92	Giỏi	7.920.000	
2	B2501554	Lê Thị Yên Khoa	13	90	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2501583	Đoàn Tú Trinh	13	90	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							26.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.872.000 đồng								
251 .Lớp: KT2522A2								
1	B2501591	Trần Thị Vân Anh	13	83	3.65	Giỏi	7.920.000	
2	B2501603	Huỳnh Nguyễn Huy Hoàn	13	87	3.62	Giỏi	7.920.000	
3	B2501614	Dương Ngọc Khánh Ngân	13	85	3.77	Giỏi	7.920.000	
4	B2501634	Nguyễn Trần Phước Toàn	13	87	3.62	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.400.000 đồng								
252 .Lớp: KT2522A3								
1	B2501647	Nguyễn Thanh Chánh	13	83	3.88	Giỏi	7.920.000	
2	B2501657	Đỗ Thị Kim Huệ	13	85	3.81	Giỏi	7.920.000	
3	B2501684	Trần Trường Thịnh	13	85	4	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							23.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.816.000 đồng								
253 .Lớp: KT2522F1								
1	B2501785	Nguyễn Trần Hoài Khanh	15	92	3.73	Xuất sắc	15.860.000	
2	B2501814	Lê Phi Yên	15	91	3.83	Xuất sắc	15.860.000	
Cộng lớp:							31.720.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.536.800 đồng								
254 .Lớp: KT2522F2								
1	B2501826	Trần Hoàng Nhật Huy	15	91	3.87	Xuất sắc	15.860.000	
2	B2501829	Lê Nguyễn Thiên Kim	15	96	3.93	Xuất sắc	15.860.000	
Cộng lớp:							31.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.443.200 đồng								
255 .Lớp: KT2523A1								
1	B2501861	Huỳnh Mai Anh	13	86	3.31	Giỏi	9.050.000	
2	B2501898	Hồ Thành Điền	13	80	3.38	Giỏi	9.050.000	
3	B2501972	Nguyễn Yến Nhi	13	90	3.38	Giỏi	9.050.000	
4	B2502016	Lê Minh Thuận	13	90	3.42	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng								
256 .Lớp: KT2523A2								
1	B2502082	Trương Ngọc Ánh	13	90	3.19	Khá	7.540.000	
2	B2502117	Nguyễn Gia Hân	13	84	3.23	Giỏi	9.050.000	
3	B2502119	Tăng Phúc Hậu	13	70	3.35	Khá	7.540.000	
4	B2502121	Đinh Minh Hiếu	13	78	3.12	Khá	7.540.000	
5	B2502159	Nguyễn Thị Kim Mỹ	13	81	3.38	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							40.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.398.400 đồng								
257 .Lớp: KT2523A3								
1	B2501896	Nguyễn Phước Bảo Đạt	13	96	3.27	Giỏi	9.050.000	
2	B2502024	Nguyễn Trần Anh Thy	13	82	3.46	Giỏi	9.050.000	
3	B2502039	Võ Hoàng Diễm Trinh	13	81	3.31	Giỏi	9.050.000	
4	B2502057	Nguyễn Thị Tường Vy	13	84	3.42	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng								
258 .Lớp: KT2523A4								
1	B2501877	Võ Phan Duy Bảo	13	82	3.38	Giỏi	9.050.000	
2	B2501953	Lâm Hồng Ngân	13	87	3.23	Giỏi	9.050.000	
3	B2501984	Nguyễn Kim Phú	13	85	3.31	Giỏi	9.050.000	
4	B2502032	Trần Trung Toàn	13	81	3.35	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.398.400 đồng								
259 .Lớp: KT2523A5								
1	B2502100	Trần Thị Mỹ Duyên	13	78	3.15	Khá	7.540.000	
2	B2502152	Nguyễn Tấn Lợi	13	85	3.35	Giỏi	9.050.000	
3	B2502210	Dương Công Thành	13	90	3.27	Giỏi	9.050.000	
4	B2502266	Nguyễn Danh Diễm Vy	13	70	3.5	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							33.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.795.200 đồng								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
260 .Lớp: KT2523A6								
1	B2502141	Mai Quốc Kiệt	13	91	3.19	Khá	7.540.000	
2	B2502193	Nguyễn Xuân Phú	13	70	3.5	Khá	7.540.000	
3	B2502224	Trần Anh Thơ	13	67	3.58	Khá	7.540.000	
4	B2502231	Phạm Thị Anh Thư	13	83	3.38	Giỏi	9.050.000	
5	B2502256	Lý Vy Vân	13	74	3.31	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							39.210.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.795.200 đồng								
261 .Lớp: KT2545A1								
1	B2502582	Huỳnh Minh Hội	13	87	4	Giỏi	7.920.000	
2	B2502584	Phan Như Huỳnh	13	90	3.65	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2502594	Cao Thị Hoàng Mỹ	13	85	3.81	Giỏi	7.920.000	
4	B2502608	Nguyễn Phạm Hồng Sâm	13	85	3.88	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							33.000.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.568.000 đồng								
262 .Lớp: KT2545A2								
1	B2502654	Phan Thị Trúc Mai	13	85	3.77	Giỏi	7.920.000	
2	B2502660	Võ Hồng Ngọc	13	88	3.88	Giỏi	7.920.000	
3	B2502677	Trịnh Mỹ Thuyên	13	81	3.77	Giỏi	7.920.000	
4	B2502684	Phan Quốc Trung	13	80	3.88	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.152.000 đồng								
263 .Lớp: KT2590A1								
1	B2504621	Tôn Lâm Việt Nhân	14	72	2.75	Khá	6.600.000	
2	B2504622	Huỳnh Thị Yến Nhi	14	83	2.79	Khá	6.600.000	
3	B2504637	Trần Thùy Trúc	14	90	2.96	Khá	6.600.000	
Cộng lớp:							19.800.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng								
264 .Lớp: KT2590A2								
1	B2504661	Đỗ Gia Nghi	14	73	2.64	Khá	6.600.000	
2	B2504673	Phan Thị Trúc Quỳnh	14	83	2.68	Khá	6.600.000	
3	B2504684	Trần Ngọc Thảo Vy	14	88	2.89	Khá	6.600.000	
Cộng lớp:							19.800.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng								
265 .Lớp: KT25K1A1								
1	B2506270	Hồ Thị Ngọc Bích	13	87	3.73	Giỏi	7.920.000	
2	B2506285	Lý Dung Yến Ngọc	13	85	3.77	Giỏi	7.920.000	
3	B2506308	Võ Thị Thúy Vy	13	93	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							25.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng								
266 .Lớp: KT25K1A2								
1	B2506323	Nguyễn Ngô Tuyết Minh	13	92	3.88	Xuất sắc	9.240.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2506327	Nguyễn Đình Khánh Ngộ	13	95	3.65	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng								
267 .Lớp: KT25V5A1								
1	B2509380	Nguyễn Trâm Anh	13	85	3.85	Giỏi	7.920.000	
2	B2509417	Đặng Thị Bích Tuyền	13	85	3.85	Giỏi	7.920.000	
3	B2509425	Vũ Thị Như Ý	13	90	3.65	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							25.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.232.000 đồng								
268 .Lớp: KT25V5A2								
1	B2509436	Hoàng Gia Huy	13	92	3.65	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2509442	Nguyễn Ngọc Ngân	13	93	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng								
269 .Lớp: KT25W1A1								
1	B2510111	Huỳnh Hoàng Giang	13	81	3.73	Giỏi	7.920.000	
2	B2510117	Trần Mộng Khuyến	13	80	3.77	Giỏi	7.920.000	
3	B2510119	Dương Chi Lan	13	85	3.69	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							23.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng								
270 .Lớp: KT25W1A2								
1	B2510160	Trần Vũ Hùng	13	94	3.85	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2510163	Đặng Hiền Long	13	92	3.85	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng								
271 .Lớp: KT25W2A1								
1	B2510198	Nguyễn Thị Bạch Dương	13	98	3.58	Giỏi	7.920.000	
2	B2510215	Nguyễn Thị Thúy Ngân	13	85	3.88	Giỏi	7.920.000	
3	B2510247	Nguyễn Thị Phương Vy	13	87	3.92	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							23.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.760.000 đồng								
272 .Lớp: KT25W2A2								
1	B2510258	Lê Hồng Đào	13	85	3.81	Giỏi	7.920.000	
2	B2510267	Phạm Thị Hồng Kim	13	81	4	Giỏi	7.920.000	
3	B2510268	Nguyễn Thị Mỹ Liên	13	88	3.62	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							23.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.872.000 đồng								
273 .Lớp: KT25W2F1								
1	B2510311	La Thái Bảo	15	90	3.73	Xuất sắc	15.860.000	
2	B2510316	Nguyễn Nhật Hào	15	85	3.73	Giỏi	13.600.000	
3	B2510347	Hồ Thị Phương Thy	15	82	3.73	Giỏi	13.600.000	
Cộng lớp:							43.060.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.694.400 đồng								
274 .Lớp: KT25W3A1								
1	B2510361	Trương Khánh Bằng	13	88	3.69	Giỏi	7.920.000	
2	B2510380	Nguyễn Hoàng Mỹ	13	87	3.69	Giỏi	7.920.000	
3	B2510387	Trương Gia Như	13	82	3.77	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							23.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.400.000 đồng								
275 .Lớp: KT25W3A2								
1	B2510430	Văng Cao Thanh Mai	13	83	3.92	Giỏi	7.920.000	
2	B2510459	Võ Văn Vĩ	13	85	4	Giỏi	7.920.000	
3	B2510460	Nguyễn Ái Vy	13	91	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							25.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.872.000 đồng								
276 .Lớp: KT25W4A1								
1	B2510503	Đào Lê Trọng Phúc	13	100	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2510513	Phạm Anh Thư	13	97	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng								
277 .Lớp: KT25W4A2								
1	B2510473	Huỳnh Ngọc Khánh Hân	13	93	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2510526	Nguyễn Hoàng Yến	13	90	3.62	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng								
278 .Lớp: KT25W4A3								
1	B2510518	Nguyễn Ngọc Quế Trân	13	87	3.65	Giỏi	7.920.000	
2	B2510564	Bùi Phương Nhi	13	94	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2510570	Huỳnh Minh Phúc	13	87	3.65	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							25.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng								
279 .Lớp: KT25W4F1								
1	B2510616	Phan Điền Bảo Ngọc	15	90	3.9	Xuất sắc	15.860.000	
2	B2510619	Nguyễn Đào Như Phúc	15	90	3.83	Xuất sắc	15.860.000	
Cộng lớp:							31.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.068.800 đồng								
280 .Lớp: KT25W4F2								
1	B2510663	Trần Ngọc Mỹ Tâm	15	92	3.93	Xuất sắc	15.860.000	
2	B2510666	Nguyễn Thiên Thư	15	92	3.93	Xuất sắc	15.860.000	
Cộng lớp:							31.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.349.600 đồng								
281 .Lớp: ST2520A1								
1	B2501327	Nguyễn Văn Anh	13	87	3.77	Giỏi	7.920.000	
2	B2501345	Sơn Thị Trúc Mai	13	80	3.73	Giỏi	7.920.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2501371	Tô Thị Như Ý	13	92	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							25.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng								
282 .Lớp: HG2363A1								
1	B2301953	Dương Thị Minh Châu	15	97	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2301985	Lê Thảo Nguyên	17	91	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng								
283 .Lớp: HG2363A2								
1	B2301978	Nguyễn Thị Diễm My	17	91	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2302039	Đỗ Ngọc Khả Vy	16	86	3.7	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							17.160.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.480.000 đồng								
284 .Lớp: HG2463A1								
1	B2403070	Đặng Trần Đăng Khoa	14	87	3.43	Giỏi	7.920.000	
2	B2403078	Ngô Hoàn Mỹ	14	92	3.43	Giỏi	7.920.000	
3	B2403097	Nguyễn Thanh Cẩm Tiên	14	95	3.43	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							23.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.176.000 đồng								
285 .Lớp: HG2463A2								
1	B2403115	Nguyễn Trọng Hiếu	15	100	3.64	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2403128	Võ Tiểu My	15	92	3.64	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.176.000 đồng								
286 .Lớp: HG2563A1								
1	B2503133	Lê Long Giang	13	86	3.54	Giỏi	7.920.000	
2	B2503154	Võ Trọng Nhân	13	88	3.73	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							15.840.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng								
287 .Lớp: HG2563A2								
1	B2503200	Lê Phạm Như Ngọc	13	88	3.62	Giỏi	7.920.000	
2	B2503211	Nguyễn Thị Hồng Thơ	13	82	3.5	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							15.840.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.480.000 đồng								
288 .Lớp: LK2363A1								
1	B2301799	Mai Thị Kim Ngân	15	99	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2301910	Lê Bảo Ly	19	99	3.84	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2301927	Lê Quốc Thanh	14	92	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.288.000 đồng								
289 .Lớp: LK2363A2								
1	B2301836	Nguyễn Thành Chí	12	88	3.79	Giỏi	7.920.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2301888	Lê Kim Anh	15	86	3.83	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							15.840.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.896.000 đồng								
290 .Lớp: LK2365A1								
1	B2301790	Dur Thị Mỹ Hương	16	94	3.66	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2301793	Trần Gia Linh	13	92	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2301821	Trần Nhã Trần	17	92	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.344.000 đồng								
291 .Lớp: LK2365A2								
1	B2301840	Nguyễn Thị Linh Đa	17	83	3.76	Giỏi	7.920.000	
2	B2301890	Nguyễn Kiều Ngọc Ái	14	90	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2301916	Lê Khánh Ngọc	18	93	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							26.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.344.000 đồng								
292 .Lớp: LK23S9A1								
1	B2304840	Đặng Thị Yến Nhi	16	97	3.94	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2304870	Nguyễn Quang Vinh	15	94	3.87	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.176.000 đồng								
293 .Lớp: LK23S9A2								
1	B2304799	Bùi Quốc Cường	13	100	3.85	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2304816	Võ Minh Hoàng	12	94	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.176.000 đồng								
294 .Lớp: LK2463A1								
1	B2402397	Nguyễn Đặng Mỹ Huyền	15	92	3.87	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2402535	Trịnh Vân Anh	12	91	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2402592	Lê Thị Huyền Trân	15	100	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.040.000 đồng								
295 .Lớp: LK2463A2								
1	B2402487	Đoàn Khả My	15	97	3.7	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2402522	Hà Thị Thu Uyên	13	95	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2402662	Nguyễn Thị Thanh Thảo	12	92	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.512.000 đồng								
296 .Lớp: LK2465A1								
1	B2402393	Đoàn Ngọc Hân	16	95	3.9	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2402446	Nguyễn Chí Viễn	14	90	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2402571	Nguyễn Thanh Nhân	15	95	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2402577	Cao Văn Tấn Phát	18	94	3.82	Xuất sắc	9.240.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
5	B2402581	Nguyễn Ngọc Sáng	16	91	3.72	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							46.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 42.240.000 đồng								
297 .Lớp: LK2465A2								
1	B2402504	Lâm Mỹ Tâm	14	97	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2402527	Lê Hoàng Thảo Vy	12	92	3.68	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2402615	Trần Cẩm Bình	16	95	3.72	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2402633	Dương Tuấn Khang	15	97	3.61	Xuất sắc	9.240.000	
5	B2402647	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	14	100	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							46.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 43.296.000 đồng								
298 .Lớp: LK24S9A1								
1	B2406538	Nguyễn Văn Linh	14	99	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2406539	Trần Nguyễn Thúy Loan	12	93	3.91	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2406565	Trần Thị Minh Thư	14	94	4	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2406572	Trần Thị Mỹ Trân	15	99	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.792.000 đồng								
299 .Lớp: LK24S9A2								
1	B2406620	Huỳnh Thị Tuyết Như	13	99	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2406626	Thái Minh Siêu	15	98	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2406632	Nguyễn Thị Kim Thoa	16	90	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2406648	Trần Nguyễn Khánh Vy	17	100	3.78	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.736.000 đồng								
300 .Lớp: LK2563A1								
1	B2502914	Trần Hải Đăng	13	87	3.5	Giỏi	7.920.000	
2	B2502950	Nguyễn Thị Ngọc Phần	13	87	3.5	Giỏi	7.920.000	
3	B2502954	Nguyễn Thế Sang	13	87	3.65	Giỏi	7.920.000	
4	B2502974	Nguyễn Thị Kim Vàng	13	87	3.54	Giỏi	7.920.000	
5	B2502978	Nguyễn Kim Yến	13	89	3.62	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							39.600.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.376.000 đồng								
301 .Lớp: LK2563A2								
1	B2503016	Trần Thị Bảo Ngọc	13	89	3.38	Giỏi	7.920.000	
2	B2503025	Huỳnh Yến Phi	13	84	3.54	Giỏi	7.920.000	
3	B2503034	Ngô Thị Anh Thơ	13	81	3.54	Giỏi	7.920.000	
4	B2503052	Phạm Khả Vy	13	83	3.5	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.264.000 đồng								
302 .Lớp: LK2563A3								
1	B2503055	Nguyễn Ngọc Vân Anh	13	90	3.96	Xuất sắc	9.240.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2503106	Phạm Hương Thảo	13	92	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2503109	Phạm Quốc Anh Thơ	13	90	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.624.000 đồng								
303 .Lớp: LK25L1A1								
1	B2506401	Trần Mẫn Nghi	13	94	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2506403	Phạm Khánh Ngọc	13	90	3.62	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2506415	Trương Hồng Phúc	13	94	3.62	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2506428	Lê Thị Minh Thư	13	92	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
5	B2506439	Lê Thị Kiều Vy	13	92	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							46.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 46.464.000 đồng								
304 .Lớp: LK25S9A1								
1	B2507223	Nguyễn Thị Lam Anh	13	83	3.92	Giỏi	7.920.000	
2	B2507245	Huỳnh Minh Khang	13	91	3.62	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2507294	Lý Trần Thái Trần	13	80	3.77	Giỏi	7.920.000	
4	B2507296	Trần Thị Thanh Trúc	13	81	3.69	Giỏi	7.920.000	
5	B2507300	Triệu Thị Thúy Vy	13	91	3.62	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 42.768.000 đồng								
305 .Lớp: LK25S9A2								
1	B2507306	Nguyễn Thúy Anh	13	82	3.69	Giỏi	7.920.000	
2	B2507327	Trần Như Huỳnh	13	87	3.65	Giỏi	7.920.000	
3	B2507348	Đỗ Trọng Nghĩa	13	97	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2507382	Phan Nguyễn Thúy Vy	13	94	3.65	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							34.320.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.432.000 đồng								
306 .Lớp: ST2563A1								
1	B2503233	Lưu Phùng Ngọc Hân	13	90	3.19	Khá	6.600.000	
2	B2503252	Nguyễn Thành Nhơn	13	88	3.23	Giỏi	7.920.000	
3	B2503266	Đỗ Thị Ngọc Trinh	13	83	3.19	Khá	6.600.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.480.000 đồng								
307 .Lớp: MT2325A1								
1	B2301628	Nguyễn Hải Đăng	14	95	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2301649	Lê Thành Long	13	93	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2301677	Đoàn Thị Anh Thư	14	98	3.82	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2301693	Trần Như Ý	17	90	3.94	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.792.000 đồng								
308 .Lớp: MT2325A2								
1	B2301704	Đặng Thị Đào	17	95	3.85	Xuất sắc	9.240.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2301736	Cao Thị Kim Ngọc	15	100	3.8	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2301763	Nguyễn Khắc Minh Trườ	14	100	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2301768	Trần Thanh Phương Vy	16	98	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.792.000 đồng								
309 .Lớp: MT2338A1								
1	B2302062	Võ Thị Diễm My	15	91	3.86	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2302082	Lê Quang Tiến	15	90	3.77	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							19.040.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.848.000 đồng								
310 .Lớp: MT2338A2								
1	B2302123	Trương Thị Tú Sương	18	94	3.67	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2302142	Nguyễn Thụy Như Ý	16	95	3.63	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							19.040.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng								
311 .Lớp: MT2357A1								
1	B2302397	Trần Hữu Nhân	16	82	3.63	Giỏi	9.050.000	
2	B2302406	Trần Đình Như Quỳnh	18	84	3.5	Giỏi	9.050.000	
3	B2302427	Nguyễn Ngọc Đoan Trinh	15	98	3.87	Xuất sắc	10.560.000	
4	C2300091	Lê Thị Ngọc Trân	12	86	3.58	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							37.710.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.779.200 đồng								
312 .Lớp: MT23D4A1								
1	B2304200	Đặng Quốc Chiến	14	83	3.71	Giỏi	9.050.000	
2	B2304217	Lê Hoàng Huy	16	91	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2304259	Trần Thị Ngọc Ý	17	86	3.69	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							28.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.556.800 đồng								
313 .Lớp: MT23S8A1								
1	B2304751	Nguyễn Hoàng Khánh	13	92	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304768	Nguyễn Tổ Như	14	93	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2304780	Đoàn Trương Bảo Thuận	20	93	3.89	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng								
314 .Lớp: MT23X7A1								
1	B2307825	Phạm Đình Khải	16	98	3.63	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307838	Nguyễn Dĩ Nghiệp	14	95	3.64	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2307850	Hà Gia Phú	16	98	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.344.000 đồng								
315 .Lớp: MT23X7A2								
1	B2307900	Nguyễn Tấn Lộc	19	90	3.83	Xuất sắc	9.240.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2307914	Trần Ngọc Tố Như	13	98	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2307923	Lê Thị Thu Thảo	14	100	3.86	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.040.000 đồng								
316 .Lớp: MT2425A1								
1	B2402251	Huỳnh Ánh Dương	13	86	3.75	Giỏi	7.920.000	
2	B2402260	Lâm Thị Kim Huệ	15	90	3.6	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2402265	Dương Thị Thanh Kiều	16	95	3.8	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2402287	Triệu Yến Phi	16	88	3.5	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							34.320.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.208.000 đồng								
317 .Lớp: MT2425A2								
1	B2402329	Võ Đức Huy	14	84	3.62	Giỏi	7.920.000	
2	B2402341	Nguyễn Ngọc Trà My	14	84	3.65	Giỏi	7.920.000	
3	B2402358	Nguyễn Hoàng Phương	12	96	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2402360	Thái Lê Thúy Quỳnh	15	82	3.64	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							33.000.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.096.000 đồng								
318 .Lớp: MT2438A1								
1	B2402706	Nguyễn Bảo Lộc	13	89	3.25	Giỏi	8.160.000	
2	B2402712	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	12	91	3.33	Giỏi	8.160.000	
Cộng lớp:							16.320.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.320.000 đồng								
319 .Lớp: MT2438A2								
1	B2402743	Lâm Khương Trúc Linh	16	88	3	Khá	6.800.000	
2	B2402747	Nguyễn Tuyết Ngân	14	91	2.96	Khá	6.800.000	
Cộng lớp:							13.600.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.776.000 đồng								
320 .Lớp: MT2457A1								
1	B2403034	Nguyễn Anh Phú	12	83	3.67	Giỏi	9.050.000	
2	B2403044	Nguyễn Ngọc Cẩm Tiên	12	87	3.67	Giỏi	9.050.000	
3	B2403046	Trương Mỹ Trân	12	89	3.67	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.160.000 đồng								
321 .Lớp: MT24D4A1								
1	B2405681	Phan Lưu Tuyết Nhi	12	95	3.55	Giỏi	9.050.000	
2	B2405693	Huỳnh Trần Anh Thư	12	92	3.18	Khá	7.540.000	
3	B2405697	Nguyễn Gia Uy	13	100	3.23	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							25.640.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng								
322 .Lớp: MT24S8A1								
1	B2406428	Thái Nhật Anh	14	91	3.57	Giỏi	9.050.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2406430	Lương Ngọc Ánh	13	89	3.33	Giỏi	9.050.000	
3	B2406431	Lương Nhật Ánh	13	87	3.17	Khá	7.540.000	
4	B2406468	Nguyễn Mỹ Ngọc	13	82	3.25	Giỏi	9.050.000	
5	B2406475	Lý Phương Nhi	13	94	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							45.250.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 47.652.800 đồng								
323 .Lớp: MT24X7A1								
1	B2410225	Nguyễn Trần Phương	13	92	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2410241	Lư Nguyễn Ngọc Trâm	14	93	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2410245	Diệp Trương Nhã Trúc	14	100	3.64	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.152.000 đồng								
324 .Lớp: MT24X7A2								
1	B2410301	Văn Phương Thảo	12	91	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2410304	Nguyễn Minh Thor	15	96	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2410323	Nguyễn Thị Như Ý	15	98	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.512.000 đồng								
325 .Lớp: MT2525A1								
1	B2502325	Võ Hoàng Thùy An	12	90	3.08	Khá	6.600.000	
2	B2502338	Lê Duy Đạt	12	95	3.04	Khá	6.600.000	
3	B2502342	Bạch Ngọc Hân	12	88	3.42	Giỏi	7.920.000	
4	B2502353	Trần Hào Tuấn Kiệt	12	82	3.04	Khá	6.600.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.208.000 đồng								
326 .Lớp: MT2525A2								
1	B2502416	Lê Thành Hiếu	12	83	3.58	Giỏi	7.920.000	
2	B2502459	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	12	90	3.5	Giỏi	7.920.000	
3	B2502463	Hồ Thị Thúy Vy	12	85	3.42	Giỏi	7.920.000	
4	B2502464	Nguyễn Ánh Xuân	12	85	3.58	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.096.000 đồng								
327 .Lớp: MT2538A1								
1	B2502504	Trần Thái Thiện	13	80	3.65	Giỏi	8.160.000	
2	B2502515	Huỳnh Đào Thảo Vy	13	82	3.38	Giỏi	8.160.000	
Cộng lớp:							16.320.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.584.000 đồng								
328 .Lớp: MT2538A2								
1	B2502523	Lâm Hoàng Duy	13	69	3.23	Khá	6.800.000	
2	B2502535	Hồ Phước Hưng	13	73	3.27	Khá	6.800.000	
3	B2502539	La Trọng Phúc Long	13	85	3.15	Khá	6.800.000	
Cộng lớp:							20.400.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.216.000 đồng								
329 .Lớp: MT2557A1								
1	B2502853	Đặng Huỳnh Minh Mẫn	13	78	2.88	Khá	7.540.000	
2	B2502898	Nguyễn Thanh Trúc	13	86	2.92	Khá	7.540.000	
3	B2502901	Nguyễn Đức Vinh	13	83	2.92	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							22.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
330 .Lớp: MT2557A2								
1	B2502825	Nguyễn Minh Đăng	13	77	3.19	Khá	7.540.000	
2	B2502845	Nguyễn Thiên Kim	13	72	2.88	Khá	7.540.000	
3	B2502867	Lê Hoàng Phúc	13	77	3.08	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							22.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.112.000 đồng								
331 .Lớp: MT25D4A1								
1	B2505678	Nông Nguyệt Minh	13	95	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							10.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.635.200 đồng								
332 .Lớp: MT25S8A1								
1	B2507188	Nguyễn Trường Lên	14	84	3.54	Giỏi	9.050.000	
2	B2507199	Võ Phương Oanh	14	89	3.54	Giỏi	9.050.000	
3	B2507220	Trần Yến Vy	14	90	3.43	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng								
333 .Lớp: MT25X7A1								
1	B2511234	Phan Thị Mỹ Diện	13	86	3.62	Giỏi	7.920.000	
2	B2511247	Nguyễn Lê Duy Khang	13	90	3.54	Giỏi	7.920.000	
3	B2511252	Nguyễn Phước Lộc	13	86	3.5	Giỏi	7.920.000	
4	B2511265	Phạm Thanh Phong	13	92	3.5	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.680.000 đồng								
334 .Lớp: MT25X7A2								
1	B2511302	Nghị Thiên Bảo	13	86	3.46	Giỏi	7.920.000	
2	B2511310	Lư Trần Tiến Đạt	13	86	3.62	Giỏi	7.920.000	
3	B2511337	Lê Trường Phú	13	90	3.85	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2511344	Trần Tú Thanh	13	95	3.5	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							33.000.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.152.000 đồng								
335 .Lớp: NN2319A1								
1	B2300806	Nguyễn Phước Điền	15	98	3.7	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2300835	Nguyễn Tấn Tài	18	83	3.39	Giỏi	9.050.000	
3	B2300847	Nguyễn Văn Toàn	16	100	3.38	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							28.660.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng								
336 .Lớp: NN2319A2								
1	B2300876	Lê Anh Khôi	13	91	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2300878	Nguyễn Thị Cẩm Loan	15	91	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng								
337 .Lớp: NN2367A1								
1	B2302633	Phạm Hồng Anh	16	100	3.94	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2302656	Nguyễn Thị Diễm Ngọc	14	98	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2302693	Xa Ngọc Như Ý	13	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.382.400 đồng								
338 .Lớp: NN2367A2								
1	B2302704	Nguyễn Trí Đạt	14	99	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2302730	Nguyễn Chí Thanh	14	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2302732	Nguyễn Thu Thảo	19	92	3.95	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.572.800 đồng								
339 .Lớp: NN2373A1								
1	B2302930	Trần Thành Lý	16	100	3.94	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2302934	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	17	100	3.68	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2302936	Trần Thanh Nhã	15	92	3.8	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.588.800 đồng								
340 .Lớp: NN2373A2								
1	B2302998	Phạm Minh Mẫn	19	98	3.95	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2303011	Nguyễn Trọng Phúc	19	100	3.89	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2303013	Trần Bùi Thành Phước	15	96	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng								
341 .Lớp: NN2373A3								
1	B2303072	Phan Thị Yến Nhi	17	94	3.74	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2303095	Nguyễn Trung Tính	15	98	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2303103	Trịnh Trương Vỹ	15	95	3.87	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.779.200 đồng								
342 .Lớp: NN23S1A1								
1	B2304365	Huỳnh Ngọc Diệu	13	95	3.65	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304383	Trần Thị Như Huỳnh	13	88	3.73	Giỏi	9.050.000	
3	B2304398	Trần Mỹ Ngọc	13	85	3.54	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							28.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.556.800 đồng								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
343 .Lớp: NN23S1A2								
1	B2304434	Ngô Tùng Diệp	13	100	3.65	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304458	Trần Trung Kiệt	13	97	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2304490	Nguyễn Thị Minh Thư	13	81	3.77	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							30.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng								
344 .Lớp: NN23S4A1								
1	B2302852	Lê Anh Khoa	19	97	3.94	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2302861	Võ Bình Nam	18	100	3.89	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng								
345 .Lớp: NN23S6A1								
1	B2308049	Đặng Thị Thanh Ngân	14	94	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2308072	Phạm Trường Thịnh	14	94	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.508.800 đồng								
346 .Lớp: NN23V8A1								
1	B2306721	Lê Thị My	16	95	3.78	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2306739	Nguyễn Lê Minh Thư	16	98	3.78	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2306743	Huỳnh Bảo Trang	13	95	3.96	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							28.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.936.000 đồng								
347 .Lớp: NN23X8A1								
1	B2307997	Trần Thị Ngọc Thiện	15	100	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2308013	Trần Nguyễn Hạ Vy	17	97	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2308015	Lê Thị Kim Yến	17	93	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2308038	Nguyễn Thị Việt Hoa	15	91	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 46.446.400 đồng								
348 .Lớp: NN23X9A1								
1	B2308110	Trương Thị Kiều Oanh	17	100	3.59	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							9.050.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 13.270.400 đồng								
349 .Lớp: NN23X9A2								
1	B2308145	Hồ Thị Kim Quyên	14	91	3.64	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							10.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.064.000 đồng								
350 .Lớp: NN2419A1								
1	B2401078	Nguyễn Thị Kim Cương	12	84	3.64	Giỏi	9.050.000	
2	B2401099	Huỳnh Tấn Kiệt	19	80	3.56	Giỏi	9.050.000	
3	B2401123	Nguyễn Hữu Thịnh	13	89	3.69	Giỏi	9.050.000	
4	B2401131	Trần Yến Trang	12	90	3.55	Giỏi	9.050.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng								
351 .Lớp: NN2419A2								
1	B2401159	Trần Thị Mai Đình	14	86	3.69	Giỏi	9.050.000	
2	B2401162	Lê Thị Thúy Hằng	12	86	3.73	Giỏi	9.050.000	
3	B2401178	Huỳnh Tấn Lộc	14	84	3.65	Giỏi	9.050.000	
4	B2401190	Trần Trường Phi	14	92	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							37.710.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.001.600 đồng								
352 .Lớp: NN2467A1								
1	B2403511	Trần Khánh Bằng	15	98	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2403517	Võ Minh Duy	13	93	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2403521	Trần Chí Hào	13	98	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2403556	Phạm Vĩnh Phúc	16	94	3.87	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng								
353 .Lớp: NN2467A2								
1	B2403587	Nguyễn Trọng Bằng	14	100	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2403623	Trần Tuyền Nguyên	14	90	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2403641	Võ Phước Thời	16	98	3.8	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2403652	Nguyễn Thanh Trúc	14	91	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.620.800 đồng								
354 .Lớp: NN2467A3								
1	B2403659	Dương Ngô Quỳnh Anh	13	100	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2403667	Nguyễn Văn Duy	12	94	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2403692	Trung Giám Minh	14	98	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng								
355 .Lớp: NN2473A1								
1	B2403897	Hoàng Tuấn Anh	13	100	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2403921	Nguyễn Thị Bích Hợp	15	100	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2403932	Nguyễn Thị Trúc Linh	15	92	3.82	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2403937	Đổng Văn Mẫn	17	81	3.71	Giỏi	9.050.000	
5	B2403938	Trần Tiểu My	17	100	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							51.290.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 47.652.800 đồng								
356 .Lớp: NN2473A2								
1	B2404013	Phạm Huy Hoàng	15	90	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2404036	Đỗ Hồng Ngọc	14	100	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2404066	Nguyễn Thái Toàn	15	97	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2404080	Nguyễn Thảo Vy	12	92	3.75	Xuất sắc	10.560.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 43.430.400 đồng								
357 .Lớp: NN2473A3								
1	B2404091	Phạm Võ Chí Công	16	91	3.8	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2404130	Mai Hoàng Nhã	13	100	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2404139	Trần Văn Phi	16	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2404141	Lê Hữu Phước	13	98	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 45.240.000 đồng								
358 .Lớp: NN24S1A1								
1	B2406026	Nguyễn Phước Huy	13	97	3.35	Giỏi	9.050.000	
2	B2406044	Nguyễn Vũ Kim Ngân	15	82	3.57	Giỏi	9.050.000	
3	B2406063	Mai Nhật Tiến	15	84	3.5	Giỏi	9.050.000	
4	B2406073	Trần Nguyễn Đông Vy	14	97	3.54	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.985.600 đồng								
359 .Lớp: NN24S1A2								
1	B2406091	Phạm Thanh Hiền	14	75	3.29	Khá	7.540.000	
2	B2406113	Lê Hoàng Yến Ngọc	13	100	3.25	Giỏi	9.050.000	
3	B2406122	Nguyễn Như Quỳnh	16	94	3.5	Giỏi	9.050.000	
4	B2406133	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	16	84	3.27	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							34.690.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.572.800 đồng								
360 .Lớp: NN24S4A1								
1	B2403866	Nguyễn Trọng Đạo	13	89	3.17	Khá	7.540.000	
2	B2403884	Châu Bích Thảo	12	71	3.42	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							15.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.683.200 đồng								
361 .Lớp: NN24S6A1								
1	B2410437	Nguyễn Văn Lắm	12	92	3.82	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2410442	Phan Thị Ý Mỹ	12	91	3.82	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2410460	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	12	94	3.68	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2410462	Đỗ Nguyễn Quế Tâm	12	100	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.001.600 đồng								
362 .Lớp: NN24V8A1								
1	B2409066	Trần Thanh Nhựt	13	87	3.63	Giỏi	8.160.000	
2	B2409076	Huỳnh Thị Ngọc Thơ	13	94	3.63	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2409082	Tăng Bảo Trân	13	94	3.58	Giỏi	8.160.000	
Cộng lớp:							25.840.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.376.000 đồng								
363 .Lớp: NN24X8A1								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2410364	Thạch Thị Si Na	13	83	3.71	Giỏi	9.050.000	
2	B2410400	Nguyễn Thị Cẩm Vân	15	100	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.715.200 đồng								
364 .Lớp: NN24X8A2								
1	B2410420	Trần Triệu Giao	16	97	3.4	Giỏi	9.050.000	
2	B2410439	Lê Thị Cẩm Ly	14	95	3.27	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.715.200 đồng								
365 .Lớp: NN24X9A1								
1	B2410518	Lê Trương Thiên Trang	19	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2410519	Trương Thị Kiều Trang	15	100	3.54	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.699.200 đồng								
366 .Lớp: NN2519A1								
1	B2501090	La Thị Ngọc Hân	13	80	3.19	Khá	7.540.000	
2	B2501110	Lý Thị Yến Nhi	13	76	3.19	Khá	7.540.000	
3	B2501140	Lê Thị Ngọc Xuyên	13	80	3.42	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							24.130.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.763.200 đồng								
367 .Lớp: NN2519A2								
1	B2501149	Lê Vương Bích Đào	13	86	3.23	Giỏi	9.050.000	
2	B2501185	Ngô Nhật Tâm	13	78	3.23	Khá	7.540.000	
3	B2501196	Trần Lê Huyền Trân	13	86	3.81	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							25.640.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.747.200 đồng								
368 .Lớp: NN2567A1								
1	B2503511	Lê Khánh Băng	13	89	3.58	Giỏi	9.050.000	
2	B2503553	Nguyễn Nhã Phương	13	87	3.65	Giỏi	9.050.000	
3	B2503556	Đoàn Hà Xuân Quỳnh	13	90	3.5	Giỏi	9.050.000	
4	B2503560	Đặng Huỳnh Thảo	13	84	3.58	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.795.200 đồng								
369 .Lớp: NN2567A2								
1	B2503586	Nguyễn Thị Ngọc Cầm	13	94	3.65	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2503613	Nguyễn Phương Quỳnh M	13	95	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2503645	Trần Cẩm Tú	13	92	3.65	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2503649	Nguyễn Thúy Vy	13	100	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.001.600 đồng								
370 .Lớp: NN2567A3								
1	B2503698	Nèang My Nia	13	82	3.42	Giỏi	9.050.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2503700	Huỳnh Yến Phương	13	97	3.42	Giỏi	9.050.000	
3	B2503715	Quách Mỹ Trân	13	86	3.42	Giỏi	9.050.000	
4	B2503725	Nguyễn Phúc Yên	13	83	3.46	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng								
371 .Lớp: NN2567F1								
1	B2503736	Võ Thanh Đức	15	90	3.8	Xuất sắc	15.860.000	
2	B2503754	Ngô Diễm Phúc	15	95	3.73	Xuất sắc	15.860.000	
Cộng lớp:							31.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.256.000 đồng								
372 .Lớp: NN2573A1								
1	B2503877	Trần Văn Toàn Anh	14	92	3.57	Giỏi	9.050.000	
2	B2503933	Huỳnh Thiên Thảo	14	91	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2503938	Nguyễn Anh Thư	14	88	3.64	Giỏi	9.050.000	
4	B2503945	Nguyễn Thị Mai Trâm	14	82	3.68	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							37.710.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng								
373 .Lớp: NN2573A2								
1	B2503992	Lê Đoàn Nhựt Nam	14	95	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2504025	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	14	80	3.64	Giỏi	9.050.000	
3	B2504029	Nguyễn Thị Bích Tuyền	14	95	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2504031	Cao Trí Văn	14	96	3.64	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							40.730.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng								
374 .Lớp: NN2573A3								
1	B2504038	Nguyễn Trường An	14	84	3.39	Giỏi	9.050.000	
2	B2504058	Dương Vĩ Khang	14	88	3.5	Giỏi	9.050.000	
3	B2504084	Võ Thanh Phú	14	84	3.39	Giỏi	9.050.000	
4	B2504085	Huỳnh Thị Trúc Phượng	14	84	3.5	Giỏi	9.050.000	
5	B2504094	Lê Phước Tâm	14	80	3.61	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							45.250.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.795.200 đồng								
375 .Lớp: NN25S1A1								
1	B2506796	Phan Phương Duy	13	83	3.58	Giỏi	9.050.000	
2	B2506806	Hồ Trần Duy Khánh	13	83	3.27	Giỏi	9.050.000	
3	B2506808	Võ Anh Kiệt	13	79	3.35	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							25.640.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng								
376 .Lớp: NN25S1A2								
1	B2506866	Ngô Phạm Như Ngọc	13	86	3.58	Giỏi	9.050.000	
2	B2506872	Hồ Thị Ngọc Như	13	92	3.54	Giỏi	9.050.000	
3	B2506883	Nguyễn Thị Diễm Tím	13	86	3.65	Giỏi	9.050.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
377 .Lớp: NN25S4A1								
1	B2507039	Lê Thanh Tấn	13	91	3.23	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							9.050.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.238.400 đồng								
378 .Lớp: NN25S6A1								
1	B2511382	Trần Thị Mỹ Hạnh	13	92	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2511462	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	13	95	3.58	Giỏi	9.050.000	
3	B2511481	Nguyễn Phúc Thủy Tiên	13	89	4	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							28.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng								
379 .Lớp: NN25V8A1								
1	B2509933	Phạm Thị Yến Linh	13	85	3.81	Giỏi	8.160.000	
2	B2509963	Lê Thị Hồng Phúc	13	81	3.73	Giỏi	8.160.000	
3	B2509973	Nguyễn Hạo Thiên	13	92	4	Xuất sắc	9.520.000	
4	B2509987	Huỳnh Thị Thùy Trâm	13	87	3.27	Giỏi	8.160.000	
5	B2509998	Phan Bé Yến	13	81	3.5	Giỏi	8.160.000	
Cộng lớp:							42.160.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 44.064.000 đồng								
380 .Lớp: NN25X8A1								
1	B2511402	Phùng Thiện Anh Nhật	13	84	3.65	Giỏi	9.050.000	
2	B2511419	Phạm Thị Trang Thơ	13	84	3.42	Giỏi	9.050.000	
3	B2511487	Lê Ngọc Cát Tường	13	92	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							28.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.763.200 đồng								
381 .Lớp: NN25X9A1								
1	B2511492	Trương Thị Cẩm Duyên	13	88	3.42	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							9.050.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.635.200 đồng								
382 .Lớp: SP2301A1								
1	B2300004	Thái Đức Hưng	14	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.096.000 đồng								
383 .Lớp: SP2302A1								
1	B2300033	Võ Thành Công	12	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 8.554.400 đồng								
384 .Lớp: SP2309A1								
1	B2300303	Phạm Lương Yến Nhi	13	95	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 8.051.200 đồng								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
385 .Lớp: SP2310A1								
1	B2300310	Đoàn Nguyễn Gia An	13	98	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.548.000 đồng								
386 .Lớp: SP2316A1								
1	B2300725	Nguyễn Đào Gia Lạc	16	95	3.94	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 8.554.400 đồng								
387 .Lớp: SP2317A1								
1	B2300739	Nguyễn Kỳ Anh	12	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2300744	Tạ Trung Hiếu	12	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2300754	Hồ Huỳnh Bạch Ngân	12	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.134.400 đồng								
388 .Lớp: SP2318A1								
1	B2300787	Huỳnh Trung Hón	12	95	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 8.554.400 đồng								
389 .Lớp: SP23U8A1								
1	B2306009	Danh Thị Phương Linh	13	91	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2306019	Phan Thiên Ngọc	13	92	4	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2306043	Nguyễn Thị Bảo Trúc	13	98	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.676.000 đồng								
390 .Lớp: SP23X3A1								
1	B2307630	Phạm Thành Đạt	16	98	3.88	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2307654	Trịnh Thanh Quyên	17	90	3.82	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.631.200 đồng								
391 .Lớp: SP23X3A2								
1	B2307680	Lưu Huỳnh Hoa	14	98	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2307700	Nguyễn Thị Như Quỳnh	12	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.115.200 đồng								
392 .Lớp: SP2401A1								
1	B2400004	Cao Xuân Bách	16	99	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2400018	Nguyễn Quang Nghiêm	16	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.096.000 đồng								
393 .Lớp: SP2402A1								
1	B2400045	Huỳnh Bửu Phương	13	100	3.5	Giỏi	7.550.000	
Cộng lớp:							7.550.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.560.800 đồng								
394 .Lớp: SP2409A1								
1	B2400573	Lê Ngọc Hiếu Thuận	12	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.560.800 đồng								
395 .Lớp: SP2410A1								
1	B2400583	Lê Đoàn Hoàn Mỹ	14	94	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.560.800 đồng								
396 .Lớp: SP2416A1								
1	B2400959	Chiêm Hoàng Ngân Gian	17	100	3.94	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 8.554.400 đồng								
397 .Lớp: SP2417A1								
1	B2400992	Nguyễn Thị Bảo Huỳnh	13	95	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2401011	Lâm Yến Nhi	13	100	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2401022	Nguyễn Văn Sáng	14	100	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
4	B2401026	Trần Ngọc Thuận	14	96	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							35.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.224.000 đồng								
398 .Lớp: SP2418A1								
1	B2401060	Lâm Thị Huỳnh Như	17	100	3.94	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 10.064.000 đồng								
399 .Lớp: SP24E1A1								
1	B2405815	Trịnh Thị Thúy Hồng	12	92	3.91	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.057.600 đồng								
400 .Lớp: SP24E2A1								
1	B2405828	Phạm Quốc Đăng	13	98	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.560.800 đồng								
401 .Lớp: SP24U8A1								
1	B2408081	Nguyễn Thị Thu Hồng	12	90	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2408101	Bùi Thanh Nguyên	13	91	4	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2408115	Lê Kim Thiên	13	100	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
4	B2408119	Hồ Minh Trí	14	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							35.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.708.000 đồng								
402 .Lớp: SP24X3A1								
1	B2410001	Trần Khánh Duy	12	95	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2410015	Mã Gia Nghi	13	96	3.92	Xuất sắc	8.810.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2410022	Lê Đức Trường Phúc	12	93	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.140.800 đồng								
403 .Lớp: SP24X3A2								
1	B2410057	Nguyễn Nhật Hoàng	15	100	3.93	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2410078	Nguyễn Hoàng Thông	12	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.140.800 đồng								
404 .Lớp: SP2501A1								
1	B2500008	Vũ Nguyễn Nhật Anh	13	97	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2500055	Mai Tấn Phát	13	98	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2500070	Huỳnh Lưu Minh Thư	13	100	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
4	B2500078	Tiết Minh Trọng	13	100	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							35.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.243.200 đồng								
405 .Lớp: SP2502A1								
1	B2500107	Nguyễn Thảo Nguyên	13	92	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2500116	Đặng Duy Tân	13	91	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.115.200 đồng								
406 .Lớp: SP2509A1								
1	B2500478	Nguyễn Trương Hoàng D	13	98	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2500499	Nguyễn Lê Kim Ngân	13	100	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.128.000 đồng								
407 .Lớp: SP2510A1								
1	B2500528	Võ Nguyễn Hữu Khánh	13	90	3.81	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2500552	Châu Huỳnh Quang Vinh	13	100	3.77	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.624.800 đồng								
408 .Lớp: SP2516A1								
1	B2500899	Trần Minh Hiếu	13	100	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2500902	Đặng Kim Kha	13	97	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.631.200 đồng								
409 .Lớp: SP2517A1								
1	B2500946	Nguyễn Quốc Đạt	14	100	3.71	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2501002	Lê Cường Thịnh	14	98	3.71	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2501035	Nguyễn Thị Cẩm Tú	14	100	3.86	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.192.000 đồng								
410 .Lớp: SP2517A2								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2501031	Nguyễn Thành Trung	14	98	3.71	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2501040	Trịnh Tường Vi	14	96	3.71	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2511832	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	14	96	3.93	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.192.000 đồng								
411 .Lớp: SP2518A1								
1	B2501053	Nguyễn Thị Kim Cương	12	91	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 11.070.400 đồng								
412 .Lớp: SP25E1A1								
1	B2505899	Lâm Như Huỳnh	13	91	3.77	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2505914	Trần Thị Nguyệt	13	95	3.65	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2505946	Thạch Thị Tuyền	13	95	3.77	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.663.200 đồng								
413 .Lớp: SP25E1A2								
1	B2505986	Nguyễn Thị Kim Ngọc	13	90	3.77	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2506004	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	13	90	3.73	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2506030	Nguyễn Như Ý	13	92	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.663.200 đồng								
414 .Lớp: SP25E1A3								
1	B2505900	Lê Ái Kỳ	13	88	3.77	Giỏi	7.550.000	
2	B2511828	Võ Quỳnh Anh	13	93	3.77	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2511829	Châu Ngọc Khánh Băng	13	92	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							25.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.663.200 đồng								
415 .Lớp: SP25E2A1								
1	B2506042	Lâm Huỳnh Anh Đào	13	90	3.88	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2506067	Lê Thị Hạnh Nguyên	13	95	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2506078	Huỳnh Thị Diễm Phương	13	98	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
4	B2506092	Đoàn Hưng Thịnh	13	98	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
5	B2506094	Hồ Ngọc Minh Thư	13	96	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							44.050.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 40.256.000 đồng								
416 .Lớp: SP25E3A1								
1	B2506112	Nguyễn Mỹ An	12	95	3.83	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 10.567.200 đồng								
417 .Lớp: SP25E4A1								
1	B2506153	Lưu Thúy Hằng	12	94	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2506165	Huỳnh Ngọc Thái Ngân	12	98	3.67	Xuất sắc	9.240.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2506181	Lâm Tấn Phát	12	90	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.624.000 đồng								
418 .Lớp: SP25U8A1								
1	B2508907	Văn Thành Long	13	98	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2508924	Võ Mỹ Quyên	13	96	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2508933	Nguyễn Hoàng Anh Thư	13	97	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
4	B2508940	Nguyễn Thanh Trúc	13	92	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							35.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.230.400 đồng								
419 .Lớp: SP25X3A1								
1	B2510930	Ngô Bảo Anh	13	96	3.77	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2510932	Nguyễn Tùng Ngọc Châu	13	95	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2510938	Hồ Minh Khôi	13	100	3.77	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.160.000 đồng								
420 .Lớp: SP25X3A2								
1	B2511003	Huỳnh Thị Hồng Phước	13	98	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2511022	Lê Thúy Vy	13	98	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2511844	Tô Thị Diệp	13	98	3.77	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.166.400 đồng								
421 .Lớp: TD23X6A1								
1	B2307782	Phạm Hồ Phi	12	100	3.83	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2307794	Huỳnh Anh Thư	15	90	3.83	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2307796	Trần Trung Tiến	15	92	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.172.800 đồng								
422 .Lớp: TD24X6A1								
1	B2410144	Phan Hồng Anh	16	92	3.75	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2410166	Trịnh Dương Hồng Ngụy	18	96	3.47	Giỏi	7.550.000	
Cộng lớp:							16.360.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.624.800 đồng								
423 .Lớp: TD25X6A1								
1	B2511164	Trần Lê Anh Khôi	12	95	3.67	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2511183	Ngô Thanh Nguyễn	12	86	3.5	Giỏi	7.550.000	
3	B2511199	Tô Phát Tài	12	86	3.5	Giỏi	7.550.000	
4	B2511214	Trương Hoàng Trí	12	85	3.58	Giỏi	7.550.000	
Cộng lớp:							31.460.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.160.000 đồng								
424 .Lớp: TD25X6A2								
1	B2511171	Quách Thị Thanh Luân	12	93	3.75	Xuất sắc	8.810.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2511193	Hồ Thị Anh Phương	12	83	3.67	Giỏi	7.550.000	
3	B2511217	Thái Phạm Thanh Trúc	12	80	3.67	Giỏi	7.550.000	
Cộng lớp:							23.910.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.656.800 đồng								
425 .Lớp: ST25D5A1								
1	B2505789	Vương Hào Kiệt	12	84	3.67	Giỏi	9.050.000	
2	B2505807	Ngô Kim Thoa	12	87	3.54	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.508.800 đồng								
426 .Lớp: TN22T5F1								
1	B2204491	Trương Cẩm Giang	14	70	3	Khá	9.350.000	
2	B2204530	Nguyễn Minh Triều	15	90	3.04	Khá	9.350.000	
Cộng lớp:							18.700.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.708.000 đồng								
427 .Lớp: TN22T5F2								
1	B2204524	Nguyễn Phan Thanh Tiến	14	82	2.75	Khá	9.350.000	
Cộng lớp:							9.350.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 13.464.000 đồng								
428 .Lớp: TN22T7F1								
1	B2204767	Nguyễn Trí Cường	14	82	3.83	Giỏi	11.220.000	
2	B2204779	Nguyễn Thanh Hưng	14	95	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							24.310.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng								
429 .Lớp: TN22T7F2								
1	B2204818	Trần Lê Gia Tân	14	95	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2204819	Nguyễn Thái Thành	15	92	3.8	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.440.000 đồng								
430 .Lớp: TN22V6F1								
1	B2205818	Nguyễn Thị Thúy Hằng	15	100	3.92	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.716.000 đồng								
431 .Lớp: TN22V6F2								
1	B2205840	Nguyễn Hồng Phúc	12	97	3.92	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 13.464.000 đồng								
432 .Lớp: TN2383A1								
1	B2303437	Phùng Văn Mạnh	16	100	3.5	Giỏi	9.050.000	
2	B2303447	Tăng Thị Kim Ninh	17	99	3.68	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
433 .Lớp: TN2383A2								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2303482	Lạc Văn Mẫn	12	95	3.42	Giỏi	9.050.000	
2	B2303489	Nguyễn Thị Yến Nhi	13	90	3.38	Giỏi	9.050.000	
3	B2303494	Phan Thị Ngọc Phương	16	84	3.28	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
434 .Lớp: TN2384A1								
1	B2302251	Trần Vũ Luân	13	90	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							10.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.683.200 đồng								
435 .Lớp: TN23D5A1								
1	B2304283	Bùi Thị Yến Nhi	14	90	3.65	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304300	Võ Thị Bảo Trân	17	88	3.74	Giỏi	9.050.000	
3	B2304308	Tạ Lan Vy	14	95	3.68	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							30.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.953.600 đồng								
436 .Lớp: TN23D5A2								
1	B2304325	Trương Thị Diệp Linh	13	90	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304335	Võ Thị Quỳnh Như	14	95	3.89	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2304350	Nguyễn Bích Trâm	14	93	3.68	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.350.400 đồng								
437 .Lớp: TN23S3A1								
1	B2304614	Huỳnh Hải Băng	13	95	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304656	Bùi Bá Phúc	12	80	3.75	Giỏi	9.050.000	
3	B2304673	Phạm Chí Thịnh	12	94	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2304676	Võ Văn Toàn	14	80	3.75	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							39.220.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 40.414.400 đồng								
438 .Lớp: TN23S5A1								
1	B2302231	Trịnh Minh Hào	14	94	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2302244	Nguyễn Tuấn Kiệt	15	94	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2302289	Nguyễn Thái Vy	12	100	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.763.200 đồng								
439 .Lớp: TN23S5A2								
1	B2302331	Phạm Khôi Nguyên	15	95	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2302345	Phạm Duy Tân	14	90	3.89	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2302347	Lê Hoàng Thắng	14	97	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.763.200 đồng								
440 .Lớp: TN23S7A1								
1	B2304705	Trương Thành Lộc	12	90	3.79	Xuất sắc	10.560.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2304725	Châu Thị Ngọc Trăm	14	90	3.64	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
441 .Lớp: TN23T1A1								
1	B2304887	Lê Hải Đăng	12	87	3.63	Giỏi	9.050.000	
2	B2304897	Phan Phúc Khang	14	84	3.46	Giỏi	9.050.000	
3	B2304919	Phan Văn Quang	14	90	3.39	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.953.600 đồng								
442 .Lớp: TN23T4A1								
1	B2305060	Lương Ngọc Băng Tâm	14	90	3.89	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2305067	Nguyễn Hữu Toàn	16	95	3.72	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
443 .Lớp: TN23T5A1								
1	B2305076	Nguyễn Hồng Lê Anh	13	92	3.5	Giỏi	9.050.000	
2	B2305077	Phan Thị Vân Anh	14	85	3.61	Giỏi	9.050.000	
3	B2305101	Trần Nhựt Hùng	15	83	3.77	Giỏi	9.050.000	
4	B2305109	Nguyễn Nhật Minh Khôi	15	80	3.8	Giỏi	9.050.000	
5	B2305135	Lê Minh Nhật	16	95	3.38	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							45.250.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 44.636.800 đồng								
444 .Lớp: TN23T5F1								
1	B2305164	Ngô Thành Đăng	14	85	3.18	Khá	9.350.000	
2	B2305201	Nguyễn Mạnh Tường	15	71	2.86	Khá	9.350.000	
Cộng lớp:							18.700.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng								
445 .Lớp: TN23T6A1								
1	B2305223	Trần Nguyên Hiền	16	84	3.34	Giỏi	9.050.000	
2	B2305233	Lê Phan Nguyên Khánh	15	93	3.36	Giỏi	9.050.000	
3	B2305247	Vưu Quang Nhân	14	88	3.21	Giỏi	9.050.000	
4	B2305266	Lê Thanh Toàn	14	88	3.39	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng								
446 .Lớp: TN23T7A1								
1	B2305275	Đỗ Thành An	14	94	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2305283	Nguyễn Hùng Dĩ	12	92	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2305289	Nguyễn Việt Đoàn	19	94	3.68	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2305312	Lê Thị Kiều	13	100	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
5	B2305321	Bùi Chí Nhân	15	91	3.7	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							52.800.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 48.859.200 đồng								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
447 .Lớp: TN23T7A2								
1	B2305358	Nguyễn Như Băng	15	95	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2305415	Trương Thị Ngọc Thiện	16	93	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2305423	Nguyễn Văn Toàn	14	95	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2305425	Lê Minh Trí	15	96	3.64	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 44.636.800 đồng								
448 .Lớp: TN23T7F1								
1	B2305495	Trần Hữu Thọ	15	77	3.57	Khá	9.350.000	
2	B2305507	Nguyễn Thanh Tùng	16	80	3.43	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							20.570.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng								
449 .Lớp: TN23T7F2								
1	B2305439	Nguyễn Thái Bảo	15	95	3.67	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2305486	Phan Văn Thái	15	84	3.33	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							24.310.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.692.000 đồng								
450 .Lớp: TN23T8A1								
1	B2305515	Trần Ngọc Anh	14	93	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2305555	Trần Đình Trọng	12	97	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
451 .Lớp: TN23V6A1								
1	B2306374	Nguyễn Trần Việt Huy	15	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2306412	Huỳnh Phan Khả Trân	18	100	3.94	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2306416	Phan Thị Trúc Vy	20	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.160.000 đồng								
452 .Lớp: TN23V6A2								
1	B2306419	Trần Thanh Chiến	15	95	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2306424	Nguyễn Ngọc Quỳnh Gia	17	95	3.94	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2306466	Võ Thị Huỳnh Trâm	16	100	3.94	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.556.800 đồng								
453 .Lớp: TN23V6F1								
1	B2306483	Dương Chí Hường	15	90	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2306486	Lương Thị Cẩm Khanh	16	97	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.432.000 đồng								
454 .Lớp: TN23Y8A1								
1	B2302233	Trần Chí Hiếu	16	91	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2308180	Võ Đặng Đức Huy	16	84	3.56	Giỏi	9.050.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2308213	Phan Minh Tân	13	97	3.54	Giỏi	9.050.000	
4	B2308224	Nguyễn Văn Toàn	14	90	3.64	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							39.220.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.017.600 đồng								
455 .Lớp: TN23Y8F1								
1	B2308238	Bùi Quốc Anh	12	93	3.88	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2308251	Dương Văn Khang	14	95	3.89	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.424.000 đồng								
456 .Lớp: TN23Z5A1								
1	B2308286	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	13	95	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2308295	Phan Chí Hiên	13	85	3.71	Giỏi	9.050.000	
3	B2308299	Trần Đình Khai	13	87	4	Giỏi	9.050.000	
4	B2308322	Hồ Thị Trúc Phương	14	87	3.58	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							37.710.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.795.200 đồng								
457 .Lớp: TN2483A1								
1	B2404506	Lê Chí Cường	12	87	3.5	Giỏi	9.050.000	
2	B2404551	Trần Thị Phương Quyên	13	90	3.5	Giỏi	9.050.000	
3	B2404578	Trần Thị Chúc Xuân	12	90	3.5	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
458 .Lớp: TN2483A2								
1	B2404515	Châu Nguyễn Kim Đoan	14	85	3.85	Giỏi	9.050.000	
2	B2404537	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	13	95	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2404567	Trần Trung Tín	13	88	3.67	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							28.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng								
459 .Lớp: TN2484A1								
1	B2402911	Võ Nguyễn Đăng Khoa	12	93	3.58	Giỏi	9.050.000	
2	B2402916	Võ Khánh Nam	14	85	3.38	Giỏi	9.050.000	
3	B2402931	Lý Minh Thuận	14	97	3.54	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.953.600 đồng								
460 .Lớp: TN2484A2								
1	B2402945	Lê Chí Bằng	14	84	3.21	Giỏi	9.050.000	
2	B2402983	Lê Hoàng Thịnh	17	80	3.38	Giỏi	9.050.000	
3	B2402986	Nguyễn Hoàng Nhựt Tiến	12	81	3.41	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.747.200 đồng								
461 .Lớp: TN24B1A1								
1	B2405165	Vưu Ngọc Hiên	13	88	3.71	Giỏi	9.050.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2405168	Đoàn Văn Hiền	13	93	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2405184	Nguyễn Đăng Khoa	12	88	3.71	Giỏi	9.050.000	
4	B2405186	Lê Tuấn Kiệt	12	97	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
5	B2405237	Nguyễn Lê Bảo Việt	14	93	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							49.780.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 51.272.000 đồng								
462 .Lớp: TN24B2A1								
1	B2405260	Phan Thị Ngọc Loan	16	91	3.94	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2405267	Bùi Chánh Hồng Ngọc	15	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng								
463 .Lớp: TN24B3A1								
1	B2405303	Huỳnh Thanh Hưng	12	86	3.58	Giỏi	9.050.000	
2	B2405312	Đặng Văn Luận	16	93	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2405313	Đặng Phan Nhật Minh	16	97	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							30.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng								
464 .Lớp: TN24B3A2								
1	B2405338	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	13	89	4	Giỏi	9.050.000	
2	B2405346	Nguyễn Ngô Vinh Hiền	15	93	3.7	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2405369	Bùi Minh Quân	14	95	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							30.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng								
465 .Lớp: TN24D5A1								
1	B2405712	Trương Thanh Huy	15	93	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2405718	Huỳnh Thị Mộng Kiều	14	97	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2405741	Lâm Thị Ngọc Thương	13	93	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.763.200 đồng								
466 .Lớp: TN24D5A2								
1	B2405757	Mai Thị Thanh Diệu	15	95	3.89	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2405767	Bùi Lệ Huyền	14	95	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2405790	Nguyễn Như Quỳnh	14	90	3.89	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng								
467 .Lớp: TN24S3A1								
1	B2406253	Phạm Thái Bình	14	97	3.57	Giỏi	9.050.000	
2	B2406274	Hoàng Trọng Khiêm	14	87	3.62	Giỏi	9.050.000	
3	B2406300	Nguyễn Hoàng Thành	18	98	3.56	Giỏi	9.050.000	
4	B2406308	Võ Minh Triết	17	89	3.68	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
468 .Lớp: TN24S7A1								
1	B2406336	Trần Thanh Hòa	12	92	3.64	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2406341	Nguyễn Phước Kiệt	12	99	3.68	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2406356	Võ Kiều Quyển Quyển	12	100	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.556.800 đồng								
469 .Lớp: TN24S7A2								
1	B2406379	Nguyễn Khánh Duy	12	81	3.5	Giỏi	9.050.000	
2	B2406401	Hồ Minh Nhí	14	95	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2406404	Nguyễn Hồ Hồng Phúc	13	97	3.54	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							28.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.350.400 đồng								
470 .Lớp: TN24T1A1								
1	B2406662	Nguyễn Hùng Cường	16	84	3.17	Khá	7.540.000	
2	B2406681	Nguyễn Hoàng Phương H	16	88	3.56	Giỏi	9.050.000	
3	B2406693	Phạm Thành Huỳnh Khôi	12	90	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.540.800 đồng								
471 .Lớp: TN24T1A2								
1	B2406669	Lâm Tấn Đạt	13	92	3.42	Giỏi	9.050.000	
2	B2406699	Bùi Đại Lợi	12	97	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2406712	Phạm Hoàng Thảo Nhi	15	93	3.43	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							28.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng								
472 .Lớp: TN24T4A1								
1	B2406863	Trần Bảo Bảo	14	84	3.57	Giỏi	9.050.000	
2	B2406864	Nguyễn Trung Bình	13	97	3.65	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2406895	Lê Tuấn Tài	13	93	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							30.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.350.400 đồng								
473 .Lớp: TN24T5A1								
1	B2406916	Dương Công Chánh	12	89	3.55	Giỏi	9.050.000	
2	B2406941	Nguyễn Phước Nguyên	14	84	3.62	Giỏi	9.050.000	
3	B2406962	Trương Tô Hoàng Vinh	12	86	3.82	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng								
474 .Lớp: TN24T5A2								
1	B2406979	Nguyễn Đức Hoàng	12	95	3.45	Giỏi	9.050.000	
2	B2406981	Nguyễn Trường Huy	14	89	3.85	Giỏi	9.050.000	
3	B2407017	Nguyễn Phú Yên	12	93	3.64	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							28.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.953.600 đồng								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
475 .Lớp: TN24T5F1								
1	B2407019	Nguyễn Trần Gia Bảo	13	95	3.62	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2407049	Trịnh Yến Ngọc	12	95	3.55	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							24.310.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.928.000 đồng								
476 .Lớp: TN24T6A1								
1	B2407102	Nguyễn Minh Khánh	16	93	3.5	Giỏi	9.050.000	
2	B2407150	Trần Châu Tuấn	12	98	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
477 .Lớp: TN24T6A2								
1	B2407136	Hoàng Đại Thành Thái	14	93	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2407147	Trần Quốc Toàn	13	98	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
478 .Lớp: TN24T7A1								
1	B2407156	Nguyễn Tấn An	13	86	3.69	Giỏi	9.050.000	
2	B2407197	Lê Nguyễn Chí Ninh	14	92	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2407206	Võ Tuấn Thanh	15	93	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2407209	Nguyễn Hoàng Thiện	16	97	3.87	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							40.730.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.398.400 đồng								
479 .Lớp: TN24T7A2								
1	B2407223	Huỳnh Tuấn Anh	15	93	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2407242	Phạm Gia Huy	12	98	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2407279	Trương Quang Tiến	13	96	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng								
480 .Lớp: TN24T7A3								
1	B2407293	Đặng Bảo Bảo	14	93	3.54	Giỏi	9.050.000	
2	B2407341	Trần Đức Thành	16	84	3.7	Giỏi	9.050.000	
3	B2407352	Danh Thanh Vàng	16	90	3.7	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							28.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.176.000 đồng								
481 .Lớp: TN24T7F1								
1	B2407370	Nguyễn Thành Đặng	13	88	3.63	Giỏi	11.220.000	
2	B2407377	Nguyễn Văn Lý Hải	13	97	3.75	Xuất sắc	13.090.000	
3	B2407399	Phạm Tấn Lực	13	93	3.25	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							35.530.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.416.000 đồng								
482 .Lớp: TN24T7F2								
1	B2407407	Nguyễn Chí Nguyên	12	95	3.63	Xuất sắc	13.090.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2407421	Đỗ Hữu Tài	13	97	3.5	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							24.310.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng								
483 .Lớp: TN24T8A1								
1	B2407458	Thái Thị Huyền Anh	15	91	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2407459	Tô Quế Anh	15	97	3.61	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2407514	Lê Phạm Thảo Vy	15	88	3.29	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							30.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng								
484 .Lớp: TN24V6A1								
1	B2408629	Trần Anh Kiệt	15	98	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2408635	Nguyễn Thảo Ngân	13	91	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2408645	Võ Tiến Sĩ	16	97	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.382.400 đồng								
485 .Lớp: TN24V6A2								
1	B2408673	Lý Thùy Dương	12	100	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2408687	Liêu Quốc Khiêm	14	95	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2408712	Nguyễn Minh Thư	17	97	3.94	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.176.000 đồng								
486 .Lớp: TN24V6F1								
1	B2408736	Ung Gia Khánh	14	89	3.77	Giỏi	11.220.000	
2	B2408764	Phạm Thị Minh Thư	15	97	3.77	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							24.310.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.180.000 đồng								
487 .Lớp: TN24Y8A1								
1	B2410530	Châu Thế Anh	13	97	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2410532	Phạm Quốc Anh	16	90	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2410568	Trương Phi Long	16	95	3.94	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2410590	Đoàn Thảo	13	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 44.636.800 đồng								
488 .Lớp: TN24Y8F1								
1	B2410598	Đinh Kiến Trọng	12	93	3.82	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2410619	Lê Ngọc Hằng	12	90	3.67	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng								
489 .Lớp: TN2583A1								
1	B2504473	Nguyễn Quốc Thịnh	13	95	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2504482	Trần Minh Tiến	13	97	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng								
490 .Lớp: TN2583A2								
1	B2504426	Trương Thị Mỹ Duyên	13	90	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2504457	Lâm Ý Nguyễn	13	95	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng								
491 .Lớp: TN2584A1								
1	B2502713	Nguyễn Đức Huy	13	90	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2502730	Lưu Hoàng Phúc	13	90	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2502731	Phan Tấn Phúc	13	95	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.572.800 đồng								
492 .Lớp: TN2584A2								
1	B2502787	Huỳnh Tấn Phát	13	86	3.69	Giỏi	9.050.000	
2	B2502795	Võ Thiện Tài	13	84	3.92	Giỏi	9.050.000	
3	B2502799	Nguyễn Trung Thắng	13	87	3.69	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.556.800 đồng								
493 .Lớp: TN25B1A1								
1	B2505086	Nguyễn Minh Chúc	13	90	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2505120	Phạm Phi Phàm	13	90	3.96	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2505133	Nguyễn Trung Tính	13	95	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.795.200 đồng								
494 .Lớp: TN25B1A2								
1	B2505156	Trần Tiến Đạt	13	95	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2505174	Châu Quốc Kiệt	13	95	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2505206	Lưu Hoàng Vũ	13	96	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.969.600 đồng								
495 .Lớp: TN25B2A1								
1	B2505229	Nguyễn Thị Cẩm Lệ	13	98	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2505235	Lưu Thị Kim Ngân	13	95	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2505247	Trần Đức Hồng Phúc	13	95	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng								
496 .Lớp: TN25B3A1								
1	B2505279	Đặng La Tiến Duy	13	90	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2505299	Trần Tuấn Kiệt	13	94	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2505319	Võ Thuận Thiên	13	95	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
497 .Lớp: TN25B3A2								
1	B2505360	Trần Phước Nhân	13	97	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2505367	Trần Cao Bá Phúc	13	95	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2505374	Nguyễn Trí Thịnh	13	95	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.763.200 đồng								
498 .Lớp: TN25D5A1								
1	B2505708	Son Thiên Phú	13	95	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							10.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng								
499 .Lớp: TN25D5A2								
1	B2505734	Trương Ngọc Giàu	13	97	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2505739	Trần Thị Huỳnh	13	95	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng								
500 .Lớp: TN25S3A1								
1	B2506945	Nguyễn Trọng Duy	13	90	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2506966	Võ Minh Đức Huy	13	90	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng								
501 .Lớp: TN25S3A2								
1	B2507000	Trần Huỳnh Thiên Sơn	13	90	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2507002	Lý Khai Tâm	13	93	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng								
502 .Lớp: TN25S7A1								
1	B2507043	Nguyễn Triệu An	12	90	3.42	Giỏi	9.050.000	
2	B2507046	Trần Thụy Tú Anh	12	88	3.29	Giỏi	9.050.000	
3	B2507058	Tô Hoàng Huy	12	82	3.25	Giỏi	9.050.000	
4	B2507077	Đình Quang Ngọc	12	94	3.25	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng								
503 .Lớp: TN25S7A2								
1	B2507114	Lý Ngọc Duyên	12	90	3.25	Giỏi	9.050.000	
2	B2507124	Trần Gia Huy	12	95	3.21	Giỏi	9.050.000	
3	B2507128	Nguyễn Phúc Khang	12	84	3.21	Giỏi	9.050.000	
4	B2507144	Nguyễn Hồ Hồng Ngọc	12	83	3.5	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng								
504 .Lớp: TN25T1A1								
1	B2507407	Nguyễn Minh Hậu	13	97	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2507411	Lê Nguyễn Gia Huy	13	97	3.77	Xuất sắc	10.560.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2507440	Ngô Bảo Sang	13	95	3.65	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.588.800 đồng								
505 .Lớp: TN25T4A1								
1	B2507577	Nguyễn Trường An	14	85	3.93	Giỏi	9.050.000	
2	B2507605	Dương Ngọc Oanh	14	95	3.61	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2507633	Lê Thị Thúy Vy	14	90	3.68	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							30.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.176.000 đồng								
506 .Lớp: TN25T5A1								
1	B2507649	Nguyễn Hải Đăng	13	90	3.42	Giỏi	9.050.000	
2	B2507679	Nguyễn Lâm Nhật	13	90	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2507691	Nguyễn Hoàng Thiện	13	80	3.62	Giỏi	9.050.000	
4	B2507694	Phạm Trung Tính	13	81	3.54	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							37.710.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.382.400 đồng								
507 .Lớp: TN25T5A2								
1	B2507719	Trần Minh Hiền	13	87	3.69	Giỏi	9.050.000	
2	B2507742	Nguyễn Thanh Nhân	13	95	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2507744	Trịnh Phùng Khánh Nhật	13	89	3.54	Giỏi	9.050.000	
4	B2507748	Nguyễn Tấn Phát	13	86	3.62	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							37.710.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng								
508 .Lớp: TN25T5F1								
1	B2507786	Nguyễn Phúc Lộc	15	95	3.87	Xuất sắc	15.860.000	
Cộng lớp:							15.860.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.660.000 đồng								
509 .Lớp: TN25T5F2								
1	B2507772	Nguyễn Vĩnh Quốc Hào	15	97	3.93	Xuất sắc	15.860.000	
2	B2507811	Trương Gia Thái	15	82	3.77	Giỏi	13.600.000	
Cộng lớp:							29.460.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.566.400 đồng								
510 .Lớp: TN25T6A1								
1	B2507835	Lương Trí Hào	13	100	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2507842	Trần Hoàng Nhật Huy	13	95	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2507846	Lê Thanh Khả	13	95	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.763.200 đồng								
511 .Lớp: TN25T6A2								
1	B2507917	Nguyễn Trọng Phúc	13	95	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2507918	Mai Thanh Quyên	13	97	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2507932	Tăng Phương Cát Tường	13	90	3.85	Xuất sắc	10.560.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.160.000 đồng								
512 .Lớp: TN25T7A1								
1	B2507968	Nguyễn Trí Khang	13	83	3.54	Giỏi	9.050.000	
2	B2507971	Nguyễn Quốc Khánh	13	90	3.46	Giỏi	9.050.000	
3	B2508007	Nguyễn Việt Sáng	13	84	3.58	Giỏi	9.050.000	
4	B2508034	Nguyễn Thị Như Ý	13	81	3.46	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 40.414.400 đồng								
513 .Lớp: TN25T7A2								
1	B2508065	Trần Gia Huy	13	85	3.65	Giỏi	9.050.000	
2	B2508079	Trần Gia Lạc	13	90	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2508097	Trần Kim Oanh	13	81	3.69	Giỏi	9.050.000	
4	B2508125	Lê Phúc Toàn	13	87	3.58	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							37.710.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.620.800 đồng								
514 .Lớp: TN25T7A3								
1	B2508139	Nguyễn Vũ Gia Bảo	13	82	3.69	Giỏi	9.050.000	
2	B2508177	Nguyễn Minh Khôi	13	82	3.58	Giỏi	9.050.000	
3	B2508181	Nguyễn Châu Phương Linh	13	80	3.54	Giỏi	9.050.000	
4	B2508202	Huỳnh Lê Thiên Phú	13	80	3.54	Giỏi	9.050.000	
5	B2508236	Trần Hồ Hồng Yến	13	82	3.65	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							45.250.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 40.414.400 đồng								
515 .Lớp: TN25T7A4								
1	B2507950	Lê Thị Hồng Gấm	13	87	3.38	Giỏi	9.050.000	
2	B2507955	Ngô Thị Ngọc Hân	13	81	3.46	Giỏi	9.050.000	
3	B2507957	Nguyễn Trung Hiếu	13	80	3.62	Giỏi	9.050.000	
4	B2508076	Nguyễn Đăng Khoa	13	83	3.54	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 40.414.400 đồng								
516 .Lớp: TN25T7F1								
1	B2508239	Trần Văn Anh	15	90	3.87	Xuất sắc	15.860.000	
2	B2508259	Bạch Hoàng Duy Khang	15	88	3.93	Giỏi	13.600.000	
Cộng lớp:							29.460.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.911.200 đồng								
517 .Lớp: TN25T7F2								
1	B2508318	Huỳnh Yến Vy	15	88	3.5	Giỏi	13.600.000	
2	B2508319	Phạm Nguyễn Khánh Vy	15	90	3.5	Giỏi	13.600.000	
Cộng lớp:							27.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.724.000 đồng								
518 .Lớp: TN25T8A1								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2508328	Nguyễn Trí Gia Hưng	13	90	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							10.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 10.857.600 đồng								
519 .Lớp: TN25V6A1								
1	B2509496	Nguyễn Tiết Lô	13	91	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2509521	Trần Huỳnh Anh Thư	13	95	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2509526	Nguyễn Đình Triết	13	93	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2509528	Trần Vĩnh Trọng	13	87	3.81	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							40.730.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng								
520 .Lớp: TN25V6A2								
1	B2509550	Lê Văn Khánh Hân	13	91	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2509575	Trần Thị Cẩm Nhung	13	91	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2509579	Trương Hoàng Phú	13	92	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2509599	Khổng Kiên Vinh	13	93	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng								
521 .Lớp: TN25V6F1								
1	B2509605	Nguyễn Phan Trúc Anh	15	97	3.9	Xuất sắc	15.860.000	
2	B2509620	Lâm Đại Lộc	15	95	3.9	Xuất sắc	15.860.000	
Cộng lớp:							31.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.443.200 đồng								
522 .Lớp: TN25Y8A1								
1	B2511506	Trần Lan Anh	13	95	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2511578	Lê Ngọc Thắng	13	95	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2511585	Tổng Mỹ Thọ	13	93	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.350.400 đồng								
523 .Lớp: TN25Y8A2								
1	B2511505	Phan Thế Anh	13	92	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2511515	Võ Anh Duy	13	92	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2511580	Phan Minh Thắng	13	97	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.350.400 đồng								
524 .Lớp: TN25Y8F1								
1	B2511614	Đoàn Anh Kiệt	15	84	3.63	Giỏi	13.600.000	
2	B2511630	Nguyễn Huỳnh Thiên Phú	15	97	3.8	Xuất sắc	15.860.000	
3	B2511638	Nguyễn Minh Thiện	15	86	3.67	Giỏi	13.600.000	
Cộng lớp:							43.060.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.694.400 đồng								
525 .Lớp: TS2213T1								
1	B2200535	Châu Vĩnh Cơ	12	85	3.29	Giỏi	11.220.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							11.220.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 11.220.000 đồng								
526 .Lớp: TS2213T2								
1	B2200529	Ngô Thị Xuân Anh	12	85	3.5	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							11.220.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.212.000 đồng								
527 .Lớp: TS2313A1								
1	B2300349	Trần Thanh Hoàng	17	90	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2300354	Đỗ Ngọc Dương Khang	17	93	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2300384	Trần Duy Phát	15	90	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2300388	Cao Văn Quý	17	90	3.82	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.811.200 đồng								
528 .Lớp: TS2313A2								
1	B2300427	Lâm Thị Ngọc Hạnh	16	95	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2300448	Lương Hoài Lực	16	83	3.8	Giỏi	9.050.000	
3	B2300449	Lương Tuấn Minh	14	98	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2300490	Văn Mỹ Vón	16	90	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							40.730.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng								
529 .Lớp: TS2313A3								
1	B2300492	Huỳnh Anh	14	93	3.68	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2300541	Cao Phú Nhuận	14	90	3.68	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2300543	Phạm Minh Nhựt	13	95	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2300561	Nguyễn Ngọc Anh Thu	16	95	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.398.400 đồng								
530 .Lớp: TS2313A4								
1	B2300603	Văn Quốc Kiệt	12	95	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2300622	Võ Thị Cẩm Nhung	15	92	3.64	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2300636	Nguyễn Tấn Thành	12	92	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.588.800 đồng								
531 .Lớp: TS2313T1								
1	B2306480	Trần Lê Kim Hoàng	15	95	3.63	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.204.000 đồng								
532 .Lớp: TS2376A1								
1	B2303111	Trương Nguyễn Ngọc Hà	16	81	3.54	Giỏi	9.050.000	
2	B2303129	Đỗ Thị Thúy Quyền	16	100	3.57	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.302.400 đồng								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
533 .Lớp: TS2376A2								
1	B2303167	Đặng Thanh Phong	14	86	3.62	Giỏi	9.050.000	
2	B2303184	Nguyễn Công Vinh	15	88	3.5	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.508.800 đồng								
534 .Lớp: TS2382A1								
1	B2303267	Phạm Chí Đạt	18	98	3.82	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2303277	Trần Quốc Khanh	18	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2303296	Lương Thị Nghi	17	95	3.94	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2303333	Biện Thị Tường Vy	15	93	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng								
535 .Lớp: TS2382A2								
1	B2303340	Nguyễn Quốc Bảo	16	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2303369	Nguyễn Minh Long	18	96	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2303379	Trần Kim Ngân	15	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2303412	Mai Thuận Triều	17	93	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 44.033.600 đồng								
536 .Lớp: TS23S2A1								
1	B2304504	Trần Văn Nhật Duy	16	91	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304510	Trần Thị Cẩm Hằng	16	87	3.56	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
537 .Lớp: TS23S2A2								
1	B2304562	Phạm Thị Trúc Giàu	14	95	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304565	Son Trung Hiếu	17	100	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
538 .Lớp: TS2413A1								
1	B2400611	Nguyễn Văn Đoán	14	95	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2400612	Nguyễn Hải Hà	15	91	3.5	Giỏi	9.050.000	
3	B2400619	Vũ Mạnh Hùng	16	75	3.17	Khá	7.540.000	
4	B2400627	Lê Tuấn Khôi	15	100	3.61	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							37.710.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.398.400 đồng								
539 .Lớp: TS2413A2								
1	B2400678	Trần Duy Anh	17	88	3.56	Giỏi	9.050.000	
2	B2400679	Nguyễn Quốc Ái	18	86	3.5	Giỏi	9.050.000	
3	B2400715	Thạch Triệu Phương Nam	16	91	3.57	Giỏi	9.050.000	
4	B2400753	Trần Chí Vĩ	18	95	3.53	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 40.414.400 đồng								
540 .Lớp: TS2413A3								
1	B2400783	Nguyễn Hoàng Khánh	14	93	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2400801	Nguyễn Khánh Nguyên	16	91	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2400827	Nguyễn Bảo Trọng	13	93	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2400833	Hồ Khánh Vy	16	87	3.8	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							40.730.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng								
541 .Lớp: TS2413A4								
1	B2400852	Lê Nhật Hào	12	84	3.32	Giỏi	9.050.000	
2	B2400853	Trần Ngọc Hân	14	88	3.58	Giỏi	9.050.000	
3	B2400887	Trương Hoài Phú	13	90	3.42	Giỏi	9.050.000	
4	B2400901	Nguyễn Lâm Khang Tính	13	98	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							37.710.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng								
542 .Lớp: TS2413T1								
1	B2400915	Lê Hoài Bảo	16	85	3.67	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							11.220.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.984.000 đồng								
543 .Lớp: TS2476A1								
1	B2404200	Nguyễn Thị Thiên Kiều	16	93	3.87	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2404224	Huỳnh Thị Phương Quyên	15	91	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2404244	Huỳnh Minh Toàn	15	93	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2404254	Nguyễn Quốc Vinh	13	93	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 40.414.400 đồng								
544 .Lớp: TS2482A1								
1	B2404363	Võ Hoài Nghi	13	85	3.65	Giỏi	9.050.000	
2	B2404389	Nguyễn Thị Kim Yến	15	90	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
545 .Lớp: TS2482A2								
1	B2404403	Nguyễn Minh Hoà	14	95	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2404420	Nguyễn Hiếu Nhân	14	90	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2404431	Trần Nguyễn Thi Thơ	15	94	3.68	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.540.800 đồng								
546 .Lớp: TS2482A3								
1	B2404446	Trịnh Mỹ Á	13	88	3.58	Giỏi	9.050.000	
2	B2404466	Nguyễn Thành Luân	15	88	3.8	Giỏi	9.050.000	
3	B2404484	Nguyễn Văn Thoại	15	90	3.87	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							28.660.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.144.000 đồng								
547 .Lớp: TS24S2A1								
1	B2406141	Đổng Văn Quý An	15	95	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2406162	Nguyễn Hoài Linh	15	87	3.79	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
548 .Lớp: TS24S2A2								
1	B2406197	Nguyễn Văn An	15	81	3.64	Giỏi	9.050.000	
2	B2406214	Nguyễn Lê Minh Khang	17	88	3.33	Giỏi	9.050.000	
3	B2406227	Nguyễn Mộng Nghi	15	88	3.92	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
549 .Lớp: TS2513A1								
1	B2500560	Nguyễn Chí Ân	13	92	3.38	Giỏi	9.050.000	
2	B2500566	Trần Gia Đạt	13	81	3.58	Giỏi	9.050.000	
3	B2500577	Trần Nguyễn Đăng Khoa	13	87	3.23	Giỏi	9.050.000	
4	B2500606	Lê Đào Phương Thảo	13	83	3.46	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.572.800 đồng								
550 .Lớp: TS2513A2								
1	B2500665	Nguyễn Lưu Bảo Nhi	13	82	3.27	Giỏi	9.050.000	
2	B2500688	Nguyễn Phú Trọng	13	83	3.31	Giỏi	9.050.000	
3	B2500691	Phan Văn Tỷ	13	90	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							28.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng								
551 .Lớp: TS2513A3								
1	B2500696	Châu Tuấn Anh	13	88	3.27	Giỏi	9.050.000	
2	B2500717	Phạm Dương Anh Khôi	13	80	3.38	Giỏi	9.050.000	
3	B2500733	Lê Đức Nhân	13	91	3.5	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng								
552 .Lớp: TS2513A4								
1	B2500783	Khuu Quốc Khang	13	88	3.81	Giỏi	9.050.000	
2	B2500813	Võ Minh Tâm	13	84	3.69	Giỏi	9.050.000	
3	B2500831	Lê Minh Văn	13	90	3.38	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng								
553 .Lớp: TS2513T1								
1	B2500836	Nguyễn Ngọc Thúy An	15	88	3.43	Giỏi	13.600.000	
2	B2500840	Trần Khánh Bằng	15	88	3.47	Giỏi	13.600.000	
3	B2500861	Nguyễn Bảo Ngọc	15	88	3.57	Giỏi	13.600.000	
Cộng lớp:							40.800.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.349.600 đồng								
554 .Lớp: TS2576A1								
1	B2504125	Huỳnh Minh Khang	13	90	3.65	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2504155	Hồ Diệu Ngọc	13	83	3.46	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
555 .Lớp: TS2582A1								
1	B2504252	Lê Ngọc Nhã Đình	13	86	2.69	Khá	7.540.000	
2	B2504260	Hà Gia Hưng	13	86	3.04	Khá	7.540.000	
3	B2504271	Phùng Thị Diễm My	13	81	2.81	Khá	7.540.000	
4	B2504278	Nguyễn Bé Nhi	13	86	2.81	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							30.160.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.747.200 đồng								
556 .Lớp: TS2582A2								
1	B2504325	Trần Mỹ Linh	13	81	3.31	Giỏi	9.050.000	
2	B2504331	Trịnh Hữu Nghiệp	13	93	3.35	Giỏi	9.050.000	
3	B2504357	Giang Triệu Vy	13	98	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							28.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.953.600 đồng								
557 .Lớp: TS2582A3								
1	B2504359	Nguyễn Hoàng Kim Anh	13	88	3.5	Giỏi	9.050.000	
2	B2504361	Trương Khánh Băng	13	83	3.31	Giỏi	9.050.000	
3	B2504385	Nguyễn Thị Kiều My	13	83	3.42	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.350.400 đồng								
558 .Lớp: TS25F1A1								
1	B2506216	Nguyễn Khánh Hưng	13	85	3.58	Giỏi	9.050.000	
2	B2506218	Đinh Chí Kiệt	13	84	3.62	Giỏi	9.050.000	
3	B2506238	Lý Thị Tuyết Nhi	13	88	3.88	Giỏi	9.050.000	
4	B2506265	Lê Nguyễn Thảo Vy	13	84	3.69	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.382.400 đồng								
559 .Lớp: TS25S2A1								
1	B2506895	Nguyễn Thị Gia Băng	13	81	3.38	Giỏi	9.050.000	
2	B2506935	Phan Thị Thùy Trang	13	83	3.5	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.096.000 đồng								
560 .Lớp: HG23W8A1								
1	B2307474	Trang Hồng Duyên	16	91	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307519	Nguyễn Ngọc Thùy Trinh	16	90	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.896.000 đồng								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
561 .Lớp: HG24N2A1								
1	B2405984	Võ Thanh Ngân	14	95	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2405994	Nguyễn Thanh Thu	14	96	3.58	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							17.160.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.424.000 đồng								
562 .Lớp: HG25N2A1								
1	B2506668	Đặng Minh Đăng	13	91	3.62	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2506729	Lý Tường Vy	13	91	3.65	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2506733	Tổng Kiều Vy	13	95	3.62	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.040.000 đồng								
563 .Lớp: ML23U3A1								
1	B2305677	Nguyễn Thị Vân Anh	15	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2305716	Nguyễn Thiên Tính	14	100	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng								
564 .Lớp: ML23V9A1								
1	B2306799	Nguyễn Hoàng Nhật Vy	16	100	3.94	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2306800	Nguyễn Ngọc Phương Vy	14	100	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng								
565 .Lớp: ML23X4A1								
1	B2307746	Trương Thị Mỹ Xuyên	17	100	3.91	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.580.000 đồng								
566 .Lớp: ML24U3A1								
1	B2407739	Nguyễn Yến Nha	14	91	3.61	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2407746	Lê Thị Tuyết Phượng	19	100	3.58	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							17.160.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng								
567 .Lớp: ML24U3A2								
1	B2407807	Lâm Tường Vy	12	91	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2407809	Phạm Ngọc Thảo Xuân	13	100	3.85	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng								
568 .Lớp: ML24V9A1								
1	B2409125	Dương Nhật Quang	12	100	3.68	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2409141	Huỳnh Thị Yến Vy	12	95	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng								
569 .Lớp: ML24V9A2								
1	B2409152	Cao Quốc Đạt	14	100	3.65	Xuất sắc	9.240.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2409154	Triệu Mỹ Đình	13	95	3.65	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.896.000 đồng								
570 .Lớp: ML24X4A1								
1	B2410104	Nguyễn Thị Ngọc Hân	14	95	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2410135	Trương Anh Thư	12	97	3.91	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2410142	Lâm Ngọc Tuyết	12	95	3.91	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.644.000 đồng								
571 .Lớp: ML25U3A1								
1	B2508566	Huỳnh Nguyễn Thùy Dung	13	95	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2508574	Nguyễn Quốc Kiệt	13	95	3.62	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.704.000 đồng								
572 .Lớp: ML25U3A2								
1	B2508652	Mai Triều Tiên	13	95	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2508661	Phùng Mỹ Yến	13	95	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng								
573 .Lớp: ML25V9A1								
1	B2510009	Phan Trung Hậu	12	98	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2510015	Phan Thành Lợi	12	97	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng								
574 .Lớp: ML25V9A2								
1	B2510083	Huỳnh Đặng Trí Tài	12	93	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2510089	Nguyễn Tân Thịnh	12	100	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng								
575 .Lớp: ML25X4A1								
1	B2511047	Trương Gia Hân	13	95	3.77	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2511062	Mai Thùy Linh	13	93	3.77	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2511126	Võ Thị Như Ý	13	100	3.69	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.650.400 đồng								
576 .Lớp: ML25X4A2								
1	B2511046	Nguyễn Kiều Hân	13	91	3.77	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2511054	Lê Văn Khanh	13	93	3.73	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2511094	Lê Thanh Thuệ	13	100	3.65	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.650.400 đồng								
577 .Lớp: ST25N2A1								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2506765	Nguyễn Thị Huỳnh Như	13	80	3.46	Giỏi	7.920.000	
2	B2506784	Thạch Thị Diễm Tuyết	13	86	3.46	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							15.840.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng								
578 .Lớp: XH2380A1								
1	B2303201	Phan Hiếu Hoàng	15	90	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2303223	Huỳnh Kim Thiên Thanh	20	100	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2303243	Nguyễn Lâm Trúc Vy	14	91	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.512.000 đồng								
579 .Lớp: XH23U4A1								
1	B2305737	Nguyễn Thanh Hương	16	100	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2305751	Nguyễn Ngọc Trúc Phươn	14	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.368.000 đồng								
580 .Lớp: XH23U4A2								
1	B2305789	Phan Yến Nhi	15	100	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2305790	Nguyễn Phương Nhiên	16	95	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2305798	Dương Anh Thơ	15	100	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.008.000 đồng								
581 .Lớp: XH23W7A1								
1	B2307299	Lý Thị Tuyết Hoa	13	98	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307313	Võ Hồ Khánh Ngọc	14	95	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng								
582 .Lớp: XH23W7A2								
1	B2307347	Phan Thị Ngọc Kiều	14	100	3.85	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307352	Huỳnh Khánh Ngọc	16	100	3.87	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng								
583 .Lớp: XH23W8A1								
1	B2307385	Trần Thị Bích Huyền	17	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307398	Hồ Thị Trúc Nhi	16	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng								
584 .Lớp: XH23W8A2								
1	B2307446	Nguyễn Quốc Nhiều	17	98	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307448	Lư Thị Hồng Phụng	16	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng								
585 .Lớp: XH2480A1								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2404294	Phan Kim Ngân	15	94	3.82	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2404316	Trần Thị Thanh Thảo	13	97	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2404330	Huỳnh Phương Uyên	14	92	3.82	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.208.000 đồng								
586 .Lớp: XH24N1A1								
1	B2405855	Lê Thị Mộng Cầm	15	97	3.82	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2405862	Trần Văn Đệ	15	100	3.82	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2405885	Trương Cẩm Ly	15	96	3.82	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.624.000 đồng								
587 .Lớp: XH24N2A1								
1	B2405924	Nguyễn Quốc Khang	14	97	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2405963	Nguyễn Thị Kim Yến	12	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.288.000 đồng								
588 .Lớp: XH24U4A1								
1	B2407846	Trần Đặng Minh Ngọc	13	100	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2407851	Nguyễn Hoàng Bảo Nhi	13	100	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2407882	Đỗ Thị Kiều Vy	13	100	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.096.000 đồng								
589 .Lớp: XH24W7A1								
1	B2409799	Nguyễn Bình An	13	97	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2409821	Nguyễn Vĩ Lộc	13	100	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2409835	Trần Thị Huỳnh Như	12	98	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2409864	Lê Diễm Trinh	13	98	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.376.000 đồng								
590 .Lớp: XH2580A1								
1	B2504216	Trần Mỹ Phương	13	95	3.62	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2504219	Trần Diễm Quyên	13	92	3.62	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2504234	Trần Minh Vàng	13	95	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2504237	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	13	92	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.264.000 đồng								
591 .Lớp: XH25N1A1								
1	B2506449	Nguyễn Hồng Anh	13	95	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2506462	Nguyễn Vũ Kha	13	88	3.62	Giỏi	7.920.000	
3	B2506475	Võ Quốc Nhân	13	91	3.62	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							26.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.760.000 đồng								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHCT. ngày 23 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
592 .Lớp: XH25N1A2								
1	B2506505	Nguyễn Thị Như Châu	13	91	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2506532	Trần Thị Tú Như	13	91	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2506541	Trương Lâm Anh Thư	13	90	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.816.000 đồng								
593 .Lớp: XH25N2A1								
1	B2506571	Lâm Chí Khanh	13	97	3.65	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2506574	Nguyễn Vũ Thảo Lan	13	100	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.176.000 đồng								
594 .Lớp: XH25N2A2								
1	B2506608	Khoản Đức Anh	13	89	3.65	Giỏi	7.920.000	
2	B2506614	Võ Hoàng Duân	13	90	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2506647	Trương Thị Thanh Thảo	13	96	3.65	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							26.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.344.000 đồng								
595 .Lớp: XH25U4A1								
1	B2508701	Trần Thị Kim Ngân	13	92	3.62	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2508705	Huỳnh Bảo Ngọc	13	93	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng								
596 .Lớp: XH25U4A2								
1	B2508685	Lý Huỳnh Khánh Hà	13	90	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2508729	Cao Anh Thư	13	90	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng								
597 .Lớp: XH25W7A1								
1	B2510706	Trần Thái Thanh Ngân	13	96	3.38	Giỏi	7.920.000	
2	B2510715	Nguyễn Hoàng Phú	13	82	3.5	Giỏi	7.920.000	
3	B2510732	Huỳnh Nhật Vy	13	94	3.58	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							23.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.456.000 đồng								
598 .Lớp: XH25W7A2								
1	B2510755	Lê Nguyễn Minh Khôi	13	92	3.42	Giỏi	7.920.000	
2	B2510767	Nguyễn Thái Nguyên	13	86	3.54	Giỏi	7.920.000	
3	B2510777	Ngô Thị Mỹ Thanh	13	93	3.42	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							23.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.872.000 đồng								

ĐẠI HỌC CẦN THƠ